

DỰ THẢO

LUẬT THÚ Y

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Thú y.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về hoạt động phòng, chống dịch bệnh động vật; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ động vật trên cạn và sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y; quản lý thuốc thú y; quản lý hành nghề thú y và các hoạt động khác có liên quan đến thú y.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động thú y tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Động vật bao gồm:

a) *Động vật trên cạn* gồm các loài gia súc, gia cầm, động vật hoang dã, bò sát, ong, tằm và một số loài động vật khác sống trên cạn;

b) *Động vật thủy sản* gồm các loài cá, giáp xác, động vật thân mềm, lưỡng cư, động vật có vú và một số loài động vật khác sống dưới nước.

2. *Sơ chế, chế biến sản phẩm động vật* là việc làm sạch, pha lóc, phân loại, đông lạnh, ướp muối, hun khói, làm khô, bao gói để sử dụng ngay hoặc làm nguyên liệu chế biến thực phẩm, thức ăn chăn nuôi hoặc dùng cho mục đích khác.

3. *Vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật* là vùng, cơ sở nuôi, sản xuất giống gia súc, gia cầm, thủy sản được xác định mà ở đó không xảy ra bệnh truyền nhiễm nguy hiểm thuộc Danh mục các bệnh phải công bố dịch trong một khoảng thời gian quy định cho từng bệnh, từng loài động vật và hoạt động thú y trong vùng, cơ sở đó bảo đảm kiểm soát được dịch bệnh.

4. *Bệnh truyền nhiễm* là bệnh lây truyền trực tiếp hoặc gián tiếp giữa động vật và động vật, hoặc giữa động vật và người do tác nhân gây bệnh truyền nhiễm.

5. *Tác nhân gây bệnh truyền nhiễm* là vi rút, vi khuẩn, ký sinh trùng, nấm và các tác nhân khác có khả năng gây bệnh truyền nhiễm.

6. *Dịch bệnh động vật* là một bệnh truyền nhiễm của động vật thuộc Danh mục các bệnh phải công bố dịch.

7. *Ổ dịch động vật* là nơi đang có bệnh truyền nhiễm của động vật thuộc Danh mục các bệnh phải công bố dịch.

8. *Vùng có dịch* là vùng có ổ dịch đã được cơ quan chuyên ngành thú y hoặc nhân viên thú y có thẩm quyền xác định.

9. *Vùng bị dịch uy hiếp* là khu vực bao quanh vùng có dịch hoặc khu vực tiếp giáp với vùng có dịch của nước láng giềng, được cơ quan quản lý chuyên ngành thú y có thẩm quyền xác định.

10. *Vùng đệm* là khu vực bao quanh vùng bị dịch uy hiếp, được cơ quan quản lý chuyên ngành thú y có thẩm quyền xác định.

11. *Danh mục các bệnh phải công bố dịch* bao gồm các bệnh truyền nhiễm có khả năng lây lan nhanh trên phạm vi rộng, gây thiệt hại lớn về kinh tế, xã hội.

12. *Kiểm dịch* là việc thực hiện kiểm tra, áp dụng các biện pháp kỹ thuật để phát hiện, kiểm soát, ngăn chặn đối tượng kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật và đối tượng kiểm tra vệ sinh thú y.

13. *Kiểm soát giết mổ* là việc kiểm tra trước và sau khi giết mổ động vật để phát hiện, ngăn ngừa các yếu tố gây bệnh, gây hại cho động vật, sức khỏe con người, môi trường.

14. *Vệ sinh thú y* là việc đáp ứng các yêu cầu nhằm bảo vệ sức khỏe động vật, sức khỏe con người, môi trường và hệ sinh thái.

15. *Đối tượng kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật* bao gồm các vi sinh vật, ký sinh trùng, trứng và ấu trùng của ký sinh trùng gây bệnh cho động vật, gây hại cho sức khỏe con người.

16. *Đối tượng kiểm tra vệ sinh thú y* bao gồm các vi sinh vật gây ô nhiễm, độc tố vi sinh vật; các yếu tố vật lý, hóa học; các chất độc hại, chất phóng xạ; các yếu tố về môi trường ảnh hưởng sức khỏe động vật, con người, môi trường và hệ sinh thái.

17. *Thuốc thú y* là đơn chất hoặc hỗn hợp các chất dùng cho động vật nhằm mục đích phòng bệnh, chữa bệnh, chẩn đoán bệnh hoặc điều chỉnh, phục hồi, cải thiện chức năng sinh trưởng, sinh sản của động vật, bao gồm (thuốc thú y thành phẩm, nguyên liệu dùng làm thuốc thú y, vắc xin dùng trong thú y, chế phẩm sinh học dùng trong thú y, vi sinh vật dùng trong thú y, hóa chất dùng trong thú y), bao gồm:

a) *Thuốc thú y thành phẩm* là dạng thuốc thú y đã qua tất cả các công đoạn trong quá trình sản xuất, kể cả đóng gói trong bao bì cuối cùng, dán nhãn, đã qua kiểm tra chất lượng cơ sở và đạt các chỉ tiêu chất lượng theo hồ sơ đăng ký;

b) *Nguyên liệu dùng làm thuốc thú y* là những chất tham gia vào thành

phần của thuốc thú y;

c) *Vắc xin dùng trong thú y* là chế phẩm sinh học chứa kháng nguyên, tạo cho cơ thể động vật khả năng đáp ứng miễn dịch, được dùng với mục đích phòng bệnh;

d) *Chế phẩm sinh học dùng trong thú y* là sản phẩm có nguồn gốc sinh học dùng để phòng bệnh, chữa bệnh, chẩn đoán bệnh, điều chỉnh quá trình sinh trưởng, sinh sản của động vật, hoặc xử lý môi trường trong chăn nuôi, giết mổ động vật, nuôi trồng thủy sản;

đ) *Vi sinh vật dùng trong thú y* là loài vi khuẩn, vi rút, đơn bào ký sinh, nấm mốc, nấm men và một số loài vi sinh vật khác dùng để chẩn đoán, phòng bệnh, chữa bệnh cho động vật; nghiên cứu, sản xuất, thử nghiệm, kiểm nghiệm thuốc thú y;

e) *Hóa chất dùng trong thú y* là sản phẩm có nguồn gốc từ hóa học dùng để phòng bệnh, chữa bệnh, chẩn đoán bệnh, sát trùng động vật và khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

18. *Kiểm nghiệm thuốc thú y* là việc kiểm tra, xác định các tiêu chuẩn kỹ thuật của thuốc thú y.

19. *Khảo nghiệm thuốc thú y* là việc kiểm tra, xác định các đặc tính, hiệu lực, độ an toàn của thuốc thú y trên một số động vật tại cơ sở khảo nghiệm.

20. *Kiểm định thuốc thú y* là việc kiểm tra, đánh giá lại chất lượng thuốc thú y đã qua kiểm nghiệm, khảo nghiệm hoặc đang lưu hành khi có tranh chấp, khiếu nại hoặc có trưng cầu giám định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

21. *Thuốc thú y mới* là thuốc chứa dược chất mới hoặc có sự kết hợp mới của các dược chất đã lưu hành tại Việt Nam.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động thú y

1. Hoạt động thú y nhằm bảo vệ sức khỏe động vật và con người, nâng cao hiệu quả kinh tế, tính bền vững trong sản xuất, kinh doanh chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, đồng thời bảo vệ môi trường sinh thái.

2. Trong hoạt động thú y, thực hiện phương châm lấy phòng bệnh là chính, chữa bệnh kịp thời; chống dịch phải khẩn trương, phát hiện nhanh, chính xác, xử lý triệt để các ổ dịch, nguồn lây dịch bệnh, ngăn chặn kịp thời sự xâm nhiễm, lây lan của đối tượng kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật và đối tượng kiểm tra vệ sinh thú y.

3. Phòng chống dịch trước hết là trách nhiệm của chủ cơ sở, người chăn nuôi; nhà nước hỗ trợ khi dịch bệnh có nguy cơ xảy ra trên diện rộng; đẩy mạnh xã hội hóa trong các hoạt động thú y.

4. Áp dụng tiên bộ khoa học và công nghệ, kết hợp khoa học và công nghệ hiện đại với kinh nghiệm truyền thống của nhân dân trong phòng, chống dịch bệnh cho động vật.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về hoạt động thú y

1. Nhà nước có chính sách đầu tư, hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động thú y sau đây:

- a) Nghiên cứu và chuyên giao khoa học, kỹ thuật, đào tạo nhân lực;
- b) Phát triển hệ thống thông tin, giám sát, dự báo dịch bệnh;
- c) Xây dựng, triển khai hệ thống đánh dấu, nhận dạng động vật;
- d) Chương trình khống chế, thanh toán một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm ở động vật, bệnh từ động vật lây sang người; phòng, chống dịch bệnh đối với một số bệnh truyền nhiễm trong Danh mục các bệnh phải công bố dịch;
- đ) Tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hệ thống các cơ quan quản lý chuyên ngành thú y; hệ thống quan trắc và cảnh báo môi trường;

2. Nhà nước khuyến khích các hoạt động sau:

- a) Xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; cơ sở chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm tập trung;
- b) Tổ chức, cá nhân tham gia phòng bệnh, chống dịch bệnh động vật;
- c) Xây dựng các cơ sở chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật, thử nghiệm, khảo nghiệm, kiểm nghiệm chất lượng thuốc thú y, đào tạo, nghiên cứu về thú y;
- d) Áp dụng hệ thống thực hành tốt, và các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong lĩnh vực thú y.

3. Chính phủ có chính sách cụ thể về đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong từng thời kỳ cho các hoạt động thú y quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Hệ thống cơ quan chuyên ngành thú y

1. Hệ thống cơ quan chuyên ngành thú y được tổ chức từ trung ương đến cấp huyện.
2. Chính phủ quy định cụ thể về tổ chức hệ thống cơ quan chuyên ngành thú y.

Điều 7. Thông tin và tuyên truyền về thú y

1. Việc thông tin và tuyên truyền về thú y nhằm cung cấp kiến thức về dịch bệnh động vật, các biện pháp phòng, chống và chính sách, pháp luật về thú y. Nội dung thông tin, tuyên truyền về thú y phải bảo đảm tính chính xác, kịp thời, dễ hiểu, phù hợp với đối tượng, không gây hoang mang, chủ quan trong xã hội, ảnh hưởng đến phát triển sản xuất.

2. Việc thông tin và tuyên truyền về thú y được thực hiện bằng hình thức đa dạng, phù hợp với điều kiện ở các địa phương.

3. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước về thông tin, tuyên truyền về thú y được quy định như sau:

- a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo việc cung cấp, thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền kịp thời, chính xác về thú y;
- b) Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các

cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện các hoạt động thông tin và tuyên truyền về thú y.

4. Tổ chức, cá nhân có hoạt động thông tin và tuyên truyền về thú y phải tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 8. Đối xử với động vật

Tổ chức, cá nhân chăn nuôi, sử dụng động vật có trách nhiệm:

1. Quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng, vận chuyển phù hợp với từng loài động vật.

2. Giảm thiểu đau đớn, sợ hãi đối với động vật trong vận chuyển, giết mổ, giết hủy, phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học.

Điều 9. Trách nhiệm quản lý nhà nước của Chính phủ, các Bộ

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thú y trong phạm vi cả nước.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về thú y, có trách nhiệm sau đây:

a) Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về thú y;

b) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về thú y;

c) Tổ chức thực hiện công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển trong nước;

d) Tổ chức thực hiện kiểm soát giết mổ động vật trên cạn, sơ chế, chế biến sản phẩm động vật; vệ sinh thú y;

đ) Quy định trang phục, phù hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm dịch động vật;

e) Tổ chức thực hiện quản lý thuốc thú y bao gồm đăng ký thuốc thú y, khảo nghiệm, sản xuất, buôn bán, xuất khẩu, nhập khẩu, vận chuyển, bảo quản, quảng cáo, ghi nhãn, sử dụng, thu hồi, tiêu hủy; triển khai áp dụng các hệ thống tiêu chuẩn thực hành tốt;

g) Quy định nội dung về hành nghề thú y và cấp chứng chỉ hành nghề thú y;

h) Quản lý và hướng dẫn việc cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận trong lĩnh vực thú y;

i) Tổ chức điều tra cơ bản nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ mới, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về thú y;

k) Cập nhật, công bố công khai các danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực thú y; định kỳ đánh giá lại các điều kiện kinh doanh, kiến nghị sửa đổi, bãi bỏ các điều kiện kinh doanh không phù hợp;

l) Tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và kiến thức về thú y;

m) Thống kê về thú y;

n) Hợp tác quốc tế về thú y, đề xuất việc ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế trong lĩnh vực thú y;

o) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về thú y theo thẩm quyền.

3. Các Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện việc quản lý nhà nước về thú y, có trách nhiệm sau đây:

a) Bộ Y tế phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phòng, chống các bệnh truyền lây từ động vật sang người;

b) Bộ Công Thương chủ trì hoạt động thanh tra, kiểm tra phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong buôn bán động vật, sản phẩm động vật; thuốc thú y;

c) Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ; xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực thú y;

d) Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì hướng dẫn việc xử lý môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, giết mổ động vật, tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật; thuốc thú y hết hạn sử dụng, dụng cụ, bao bì chứa đựng thuốc thú y sau khi sử dụng; chủ trì phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành quy định về bảo tồn đa dạng sinh học liên quan đến lĩnh vực thú y;

đ) Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định điều kiện hoàn tất thủ tục hải quan, sự phối hợp của cơ quan hải quan với cơ quan quản lý chuyên ngành thú y trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát động vật, sản phẩm động vật thuộc diện kiểm dịch, mẫu bệnh phẩm, thuốc thú y khi xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam; quy định nội dung khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trong nội dung khai báo của hành khách xuất cảnh, nhập cảnh; hướng dẫn địa phương việc bố trí sử dụng ngân sách hàng năm cho công tác phòng, chống dịch bệnh động vật;

e) Bộ Công an theo chức năng và nhiệm vụ được giao chủ trì phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định về phòng chống dịch bệnh động vật và kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trong trường hợp liên quan tới an ninh, trật tự; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan phát hiện, điều tra xử lý và hỗ trợ xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thú y;

g) Bộ Quốc phòng theo chức năng và nhiệm vụ được giao chủ trì phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định về phòng chống dịch bệnh động vật và kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trong trường hợp

liên quan tới bảo đảm quốc phòng an ninh; chỉ đạo các lực lượng bộ đội biên phòng, cảnh sát biển phối hợp với lực lượng hải quan và cơ quan quản lý chuyên ngành thú y kiểm soát ngăn chặn việc nhập lậu, gian lận thương mại đối với việc vận chuyển động vật, sản phẩm động vật, thuốc thú y qua biên giới;

h) Các Bộ, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện các hoạt động liên quan đến phòng, chống dịch bệnh động vật.

Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có trách nhiệm:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn thi hành các quy định pháp luật về thú y; xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên địa bàn; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống dịch bệnh; xây dựng chương trình giám sát, khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật; quy hoạch và xây dựng khu cách ly động vật kiểm dịch xuất, nhập tỉnh;

b) Quyết định phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí, huy động nguồn lực của địa phương theo quy định của pháp luật để phòng, chống dịch bệnh động vật; kiểm tra, giám sát chất lượng thuốc thú y lưu hành trên địa bàn quản lý;

c) Chỉ đạo, tổ chức chống dịch, thực hiện các biện pháp bảo vệ đàn vật nuôi khi xảy ra dịch bệnh; thống kê, đánh giá thiệt hại do dịch bệnh gây ra trên địa bàn; thực hiện chính sách hỗ trợ ổn định đời sống, khôi phục chăn nuôi sau dịch;

d) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về công tác thú y; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về thú y, ý thức trách nhiệm của chủ vật nuôi, người sử dụng thuốc thú y trong phòng, chống dịch bệnh động vật, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, môi trường;

đ) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí kinh phí, tổ chức xử lý, tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật, thuốc thú y vô chủ tại địa phương;

e) Căn cứ vào điều kiện phát triển chăn nuôi tại địa phương, bố trí nhân lực thực hiện công tác thú y ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là nhân viên thú y cấp xã); quy định chế độ chính sách, tiêu chuẩn tuyển dụng, tổ chức tuyển dụng và quản lý hoạt động đối với nhân viên thú y cấp xã;

g) Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật ở địa phương;

h) Chỉ đạo, tổ chức thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về thú y theo thẩm quyền.

2. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) có trách nhiệm sau đây:

a) Chỉ đạo, tổ chức công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về thú y;

b) Chỉ đạo cơ quan chuyên ngành thú y trên địa bàn giám sát, dự báo, cảnh báo dịch bệnh động vật;

c) Bố trí kinh phí và tổ chức phòng, chống dịch bệnh động vật; thống kê, đánh giá, hỗ trợ thiệt hại cho người chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản;

d) Tổ chức quản lý, thanh tra, kiểm tra hành nghề thú y tư nhân, buôn bán, sử dụng thuốc thú y tại địa phương;

đ) Chỉ đạo, tổ chức thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về thú y theo thẩm quyền.

3. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về thú y, ý thức, trách nhiệm của chủ cơ sở trong phòng, chống dịch bệnh động vật và ý thức trách nhiệm của người hành nghề thú y tư nhân tại địa bàn; trách nhiệm của người sử dụng thuốc thú y đối với cộng đồng, môi trường;

b) Quy định địa điểm xử lý, tiêu hủy động vật mắc bệnh, sản phẩm động vật mang mầm bệnh, thuốc thú y giả, kém chất lượng, không rõ nguồn gốc xuất xứ, nhập lậu;

c) Tổ chức công tác phòng, chống dịch bệnh động vật; phát hiện sớm và thông báo tình hình dịch bệnh động vật; báo cáo thiệt hại; hướng dẫn và thực hiện chính sách hỗ trợ chống dịch cho người dân; triển khai các biện pháp phòng, chống dịch để bảo vệ đàn vật nuôi;

d) Phối hợp với cơ quan chuyên ngành thú y địa phương giám sát, thống kê, số liệu dịch bệnh động vật;

đ) Tổ chức kiểm tra, quản lý hành nghề thú y tư nhân, buôn bán, sử dụng thuốc thú y tại địa phương theo phân cấp;

e) Tổ chức kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về thú y theo thẩm quyền.

Điều 11. Vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp tham gia ý kiến xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về thú y; tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về thú y để nâng cao nhận thức của người dân trong phòng chống dịch bệnh, kiểm dịch và kiểm soát giết mổ động vật, sơ chế, chế biến sản phẩm động vật và sử dụng thuốc thú y.

Điều 12. Hợp tác quốc tế về thú y

1. Nội dung chính của hợp tác quốc tế về thú y gồm:

a) Ký kết, gia nhập và thực hiện các thoả thuận, hiệp định song phương và đa phương, điều ước quốc tế trong lĩnh vực thú y mà Việt Nam là thành viên hoặc tham gia;

b) Đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ; chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm, thông tin;

c) Hỗ trợ nguồn lực.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan đầu mối hợp tác quốc tế về thú y.

Điều 13. Phí, lệ phí về thú y

Tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến thú y được thu hoặc phải trả phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 14. Hành vi bị cấm

1. Che giấu, không khai báo hoặc khai báo không kịp thời đối với động vật mắc bệnh, nghi mắc bệnh, chết do bệnh truyền nhiễm nguy hiểm.

2. Khai báo, lập danh sách hoặc xác nhận không đúng số lượng, khối lượng động vật mắc bệnh, chết, sản phẩm động vật nhiễm bệnh phải tiêu hủy; số lượng, khối lượng vật tư, hóa chất để phòng chống dịch bệnh với mục đích để hưởng lợi từ chính sách hỗ trợ của nhà nước.

3. Không công bố dịch bệnh động vật trong trường hợp phải công bố theo quy định của Luật này.

4. Không triển khai hoặc triển khai không kịp thời các biện pháp phòng, chống bệnh động vật theo quy định của Luật này.

5. Không chấp hành các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

6. Vứt động vật mắc bệnh, chết và sản phẩm của chúng, xả nước thải, chất thải mang mầm bệnh ra môi trường.

7. Vận chuyển động vật chết, mắc bệnh, sản phẩm hoặc chất thải của động vật mang mầm bệnh truyền nhiễm nguy hiểm; động vật, sản phẩm động vật mắc bệnh cảm với dịch bệnh đã công bố ra khỏi vùng có dịch khi không được phép của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y có thẩm quyền.

8. Nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật từ quốc gia, vùng lãnh thổ đang có dịch bệnh nguy hiểm trên loài động vật cảm nhiễm với dịch bệnh đó.

9. Nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật, vi sinh vật dùng trong thú y, bệnh phẩm không được phép của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y.

10. Nhập khẩu, xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật thuộc danh mục cấm nhập khẩu, xuất khẩu.

11. Giết mổ động vật mắc bệnh thuộc danh mục các bệnh cấm giết mổ.

12. Giết mổ động vật, sơ chế, chế biến sản phẩm động vật để kinh doanh tại cơ sở không đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm.

13. Buôn bán, sơ chế, chế biến sản phẩm động vật không đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y.

14. Sản xuất, sơ chế, chế biến kinh doanh sản phẩm động vật có chứa chất cấm sử dụng trong chăn nuôi, thú y hoặc chứa các vi sinh vật, chất tồn dư quá giới hạn cho phép.

15. Ngâm, tẩm hóa chất, đưa nước hoặc các loại chất khác vào động vật, sản phẩm động vật nhằm gian lận thương mại.

16. Sử dụng nguyên liệu làm thuốc thú y để phòng bệnh, chữa bệnh cho động vật.

17. Sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, buôn bán, sử dụng thuốc thú y giả, thuốc thú y không rõ nguồn gốc xuất xứ, thuốc thú y cấm sử dụng, thuốc thú y hết hạn sử dụng, thuốc thú y kém chất lượng.

18. Lưu hành nhãn thuốc thú y không đúng với nội dung nhãn đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về thú y phê duyệt.

19. Quảng cáo thuốc thú y không đúng với tính năng, công dụng đã đăng ký.

CHƯƠNG II

PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH CHO ĐỘNG VẬT

Mục 1

QUY ĐỊNH CHUNG VỀ PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH CHO ĐỘNG VẬT

Điều 15. Nội dung phòng, chống dịch bệnh

1. Chủ động thực hiện các biện pháp phòng bệnh, chẩn đoán bệnh, chữa bệnh; quan trắc, cảnh báo môi trường; giám sát, dự báo, cảnh báo dịch bệnh; điều tra dịch bệnh, phân tích nguy cơ; không chế dịch bệnh động vật.

2. Thực hiện vệ sinh, tiêu độc khử trùng môi trường nuôi.

3. Xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh; thực hiện các chương trình khống chế, thanh toán một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm ở động vật, giữa động vật và người.

4. Công khai thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về dịch bệnh động vật, chính sách hỗ trợ trong phòng, chống dịch bệnh.

5. Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn các biện pháp phòng, chống dịch bệnh.

Điều 16. Phòng bệnh cho động vật

1. Chuồng trại, nơi chăn nuôi, dụng cụ dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng phải được vệ sinh, tiêu độc khử trùng, diệt vật chủ trung gian theo chế độ định kỳ

và sau mỗi đợt nuôi; nơi nuôi trồng thủy sản phải theo quy hoạch của địa phương hoặc được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

2. Chất thải trong chăn nuôi, nuôi trồng phải được xử lý theo quy định; đối với hệ thống nuôi kín, nguồn nước nuôi trồng thủy sản phải đảm bảo chất lượng, nước thải và chất thải phải được xử lý, xả thải theo quy định.

3. Con giống, thức ăn sử dụng trong chăn nuôi, nuôi trồng phải theo quy định của pháp luật về giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi.

4. Động vật phải được phòng bệnh bằng vắc xin đối với bệnh truyền nhiễm nguy hiểm theo quy định.

5. Vắc xin phòng bệnh bắt buộc trong các chương trình không chế, thanh toán dịch bệnh, phòng chống dịch khẩn cấp do ngân sách nhà nước hỗ trợ; cơ quan chuyên ngành thú y chịu trách nhiệm xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng vắc xin phòng bệnh.

6. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định sử dụng vắc xin chưa được đăng ký và lưu hành tại Việt Nam trong trường hợp khẩn cấp để kịp thời phòng, chống dịch bệnh.

Điều 17. Giám sát dịch bệnh

1. Giám sát dịch bệnh phải được thực hiện nhằm phát hiện sớm dịch bệnh, một số tác nhân gây bệnh truyền nhiễm nguy hiểm ở động vật, môi trường chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

2. Chủ cơ sở tham gia thực hiện giám sát bệnh theo yêu cầu của cơ quan chuyên ngành thú y địa phương.

3. Quyền lợi và nghĩa vụ của cơ sở:

a) Phải định kỳ lấy mẫu kiểm tra các bệnh thuộc Danh mục các bệnh phải kiểm tra định kỳ;

b) Phải báo cho chính quyền, cơ quan chuyên ngành thú y địa phương khi có kết quả kiểm tra xác định động vật mang mầm bệnh thuộc Danh mục các bệnh phải công bố dịch; thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định;

c) Được vận chuyển động vật, sản phẩm động vật ra khỏi vùng có dịch theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành thú y địa phương.

4. Cơ sở chẩn đoán, xét nghiệm có trách nhiệm báo cáo với cơ quan chuyên ngành thú y địa phương khi có kết quả xét nghiệm bệnh thuộc Danh mục các bệnh phải công bố dịch.

5. Cơ quan chuyên ngành thú y địa phương tổ chức thực hiện giám sát bệnh động vật như sau:

a) Xây dựng chương trình giám sát một số bệnh nguy hiểm đối với động vật trong quá trình nuôi, vận chuyển, giết mổ, buôn bán, nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật;

b) Chủ động điều tra, lấy mẫu giám sát dịch bệnh;

c) Định kỳ hoặc đột xuất thực hiện giám sát các bệnh truyền lây giữa động vật hoang dã và động vật nuôi tại các cơ sở nuôi động vật hoang dã, vườn thú, vườn chim, khu bảo tồn đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên;

d) Căn cứ kết quả giám sát, đặc điểm dịch tễ của bệnh, cơ quan chuyên ngành thú y địa phương đưa ra dự báo, cảnh báo về một số dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các biện pháp chủ động phòng ngừa; trường hợp phát hiện dịch bệnh động vật có khả năng lây truyền dịch bệnh sang người cần thông báo cho cơ quan y tế cùng cấp để chủ động triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh trên người.

6. Nhân viên thú y xã thực hiện giám sát dịch bệnh theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành thú y địa phương.

Điều 18. Vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh

1. Điều kiện được công nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh:

a) Thực hiện phòng bệnh cho động vật theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này;

b) Đã xây dựng và triển khai chương trình giám sát dịch bệnh động vật;

c) Không xảy ra bệnh truyền nhiễm nguy hiểm thuộc Danh mục các bệnh phải công bố dịch trong một khoảng thời gian quy định cho từng bệnh, từng loài động vật;

d) Được cơ quan chuyên ngành thú y có thẩm quyền thẩm định và công nhận.

2. Quyền lợi của vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật:

a) Được ưu tiên trong việc lựa chọn cung cấp con giống và sản phẩm chăn nuôi cho các chương trình, dự án phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản;

b) Được hưởng các quyền lợi theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 17 của Luật này.

3. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết Điều này.

Điều 19. Chương trình không chế, thanh toán một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm ở động vật, giữa động vật và người

1. Chương trình phải đảm bảo mục tiêu giảm thiểu tỷ lệ nhiễm, tỷ lệ mắc, tỷ lệ chết đối với một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên động vật, giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm sang người; không chế, thanh toán dịch bệnh động vật trong từng thời kỳ.

2. Chương trình không chế, thanh toán dịch bệnh động vật phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Chủ động phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và bệnh động vật lây truyền giữa động vật và người;

b) Phát hiện dịch sớm, dập tắt dịch kịp thời, không để dịch lây lan ra diện

rộng;

c) Mở rộng và duy trì vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;

d) Đáp ứng các cam kết của Việt Nam với quốc tế trong phòng chống dịch bệnh động vật lây truyền qua biên giới, bệnh lây truyền giữa động vật và người.

3. Nội dung của chương trình:

a) Thông tin, giáo dục, truyền thông phòng, chống các bệnh trong chương trình;

b) Giám sát, dự báo, cảnh báo dịch bệnh;

c) Phòng bệnh bằng vắc xin, vệ sinh thú y;

d) Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn của cán bộ thú y;

đ) Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật;

e) Cơ chế, chính sách, nguồn lực thực hiện chương trình.

4. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước:

a) Chính phủ có chương trình quốc gia về khống chế, thanh toán một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm ở động vật, giữa động vật và người trong từng thời kỳ; chỉ đạo các bộ, ngành có liên quan phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc xây dựng và thực hiện chương trình quốc gia về khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật;

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, trình Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình quốc gia về khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật;

c) Cơ quan chuyên ngành thú y trung ương hướng dẫn thực hiện các biện pháp khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật; thanh tra, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các biện pháp khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật; hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế để thực hiện chương trình khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật;

d) Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện chương trình khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật; tuyên truyền, phổ biến pháp luật, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật về thú y cho nhân dân;

đ) Cơ quan chuyên ngành thú y địa phương phổ biến, hướng dẫn và tham gia thực hiện các biện pháp khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp đó đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi, thú y tại địa phương;

5. Nhân viên thú y xã tham gia thực hiện chương trình khống chế, thanh toán dịch bệnh theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành thú y địa phương.

6. Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về thú y, hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành thú y địa phương để thực hiện chương trình khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật.

Điều 20. Khai báo, chẩn đoán, điều tra dịch bệnh

1. Chủ vật nuôi, người hành nghề thú y khi phát hiện động vật mắc bệnh, chết, nghi mắc bệnh truyền nhiễm phải báo cho nhân viên thú y cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan chuyên ngành thú y nơi gần nhất.

2. Nhân viên thú y cấp xã khi phát hiện hoặc nhận được thông báo có động vật mắc bệnh, chết, nghi mắc bệnh truyền nhiễm phải thực hiện:

a) Kiểm tra thông tin, chẩn đoán lâm sàng, hỗ trợ cơ quan thú y lấy mẫu gửi xét nghiệm;

b) Hướng dẫn chủ vật nuôi thực hiện các biện pháp xử lý được quy định khoản 1 Điều 22 của Luật này;

c) Báo cáo với cơ quan chuyên ngành thú y địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Cơ quan chuyên ngành thú y địa phương khi nhận được thông báo có động vật mắc bệnh, chết, nghi mắc bệnh truyền nhiễm phải thực hiện:

a) Xác minh thông tin, chẩn đoán lâm sàng, điều tra ổ dịch;

b) Lấy mẫu xét nghiệm xác định tác nhân gây bệnh;

c) Hướng dẫn các biện pháp phòng, chống;

d) Báo cáo cơ quan chuyên ngành thú y cấp trên, Ủy ban nhân dân cùng cấp.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chi tiết Điều này.

Điều 21. Chữa bệnh cho động vật

1. Động vật có biểu hiện bệnh phải được chẩn đoán, cách ly, chăm sóc, chữa trị kịp thời, trừ một số trường hợp cấm chữa hoặc phải giết mổ bắt buộc, thu hoạch hoặc tiêu hủy theo quy định.

2. Chủ vật nuôi, nhân viên thú y cấp xã, tổ chức, cá nhân hành nghề thú y khi chữa bệnh cho động vật trong vùng có dịch phải theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành thú y; thực hiện vệ sinh, tiêu độc khử trùng và các quy định về phòng chống dịch bệnh.

3. Chỉ sử dụng thuốc thú y đạt tiêu chuẩn chất lượng, được phép lưu hành tại Việt Nam để chữa trị cho động vật mắc bệnh.

Điều 22. Dự trữ và sử dụng thuốc thú y thuộc Danh mục hàng dự trữ quốc gia

1. Dự trữ thuốc thú y thuộc Danh mục hàng dự trữ quốc gia được quy định như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ quyết định về số lượng, chủng loại thuốc thú y dự trữ quốc gia;

b) Thuốc thú y thuộc Danh mục hàng dự trữ quốc gia được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia.

2. Việc sử dụng thuốc thú y thuộc Danh mục hàng dự trữ quốc gia được quy định như sau:

a) Trong trường hợp đột xuất, cấp bách khi có thiên tai, dịch bệnh và cần cứu vào đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định xuất, cấp thuốc thú y thuộc Danh mục hàng dự trữ quốc gia để phòng, chống dịch bệnh có giá trị tương ứng với thẩm quyền quyết định chi ngân sách của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại Luật ngân sách nhà nước và báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời thông báo với Bộ Tài chính về việc xuất, cấp thuốc thú y dự trữ quốc gia;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo việc tiếp nhận, bảo quản, sử dụng thuốc thú y thuộc Danh mục hàng dự trữ quốc gia được hỗ trợ để phòng, chống dịch bệnh kịp thời, hiệu quả, đúng mục đích và báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả sử dụng thuốc thú y thuộc Danh mục hàng dự trữ quốc gia đã hỗ trợ cho địa phương.

Điều 23. Kinh phí phòng, chống dịch bệnh động vật

1. Kinh phí phòng, chống dịch bệnh động vật được sử dụng vào các hoạt động sau đây:

- a) Phòng, chống dịch bệnh cho động vật;
- b) Khắc phục hậu quả dịch bệnh động vật;
- c) Phục hồi môi trường chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

2. Nguồn kinh phí phòng, chống dịch bệnh cho động vật được hình thành từ:

- a) Ngân sách nhà nước;
- b) Kinh phí của chủ vật nuôi;
- c) Đóng góp, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước, tổ chức quốc tế và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Trách nhiệm trong việc phòng, chống dịch bệnh

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện công tác giám sát, phát hiện, quan trắc, cảnh báo môi trường, dự báo, cảnh báo dịch bệnh động vật; xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về thú y; hướng dẫn, chỉ đạo phòng chống dịch bệnh động vật;

b) Quy định yêu cầu vệ sinh thú y đối với hộ gia đình, cơ sở nuôi; lộ trình thực hiện và công nhận thực hành tốt trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản;

c) Ban hành Danh mục các bệnh phải công bố dịch; quy định các bệnh phải phòng bệnh bắt buộc bằng vắc xin; quy định các bệnh phải kiểm tra định kỳ đối với động vật;

d) Quy định trình tự, thủ tục công nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; tiêu hủy, giết mổ bắt buộc đối với động vật mắc bệnh trong vùng dịch;

điều kiện động vật mắc bệnh dịch vận chuyển ra khỏi vùng có dịch;

đ) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện điều tra, giám sát dịch bệnh động vật.

2. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Luật này.

3. Chủ cơ sở thực hiện phòng, chống dịch bệnh cho động vật theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 16, khoản 1 và khoản 2 Điều 17 của Luật này.

Mục 2

PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN

Điều 25. Xử lý ổ dịch

1. Chủ vật nuôi phải thực hiện các quy định sau:

a) Cách ly ngay động vật nghi mắc bệnh, mắc bệnh;

b) Không giết mổ, mua bán, vứt động vật, sản phẩm động vật nghi mắc bệnh, mắc bệnh, chết ra môi trường;

c) Thực hiện vệ sinh, tiêu độc khử trùng, tiêu hủy động vật mắc bệnh, chết theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành thú y địa phương.

2. Nhân viên thú y cấp xã:

a) Hướng dẫn chủ vật nuôi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tổ chức thực hiện phòng bệnh bằng vắc xin, chống dịch, chữa trị động vật theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành thú y địa phương.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Căn cứ vào báo cáo của nhân viên thú y cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo, tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn;

b) Chỉ đạo nhân viên thú y cấp xã, tổ chức, cá nhân có liên quan thuộc địa bàn kiểm tra, giám sát chủ vật nuôi thực hiện cách ly động vật mắc bệnh, thống kê số lượng động vật mắc bệnh, động vật mắc bệnh; phối hợp cơ quan chuyên ngành thú y địa phương lấy mẫu bệnh phẩm;

c) Chỉ đạo nhân viên thú y cấp xã thực hiện tổ chức tiêm vắc xin phòng, chống dịch, chữa trị động vật theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành thú y địa phương;

d) Chỉ đạo thực hiện tiêu hủy động vật trong ổ dịch; vệ sinh tiêu độc, khử trùng khu vực chăn nuôi, giết mổ, buôn bán;

đ) Kiểm soát vận chuyển động vật, sản phẩm động vật ra, vào ổ dịch; trừ trường hợp được phép vận chuyển, giết mổ bắt buộc hoặc diêm xử lý theo quy định;

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Bố trí kinh phí xử lý ổ dịch;

b) Chỉ đạo cơ quan chuyên ngành thú y địa phương, các ban, ngành có liên quan thuộc địa bàn thực hiện: Xác định và thông báo trên phương tiện truyền thông của địa phương về khu vực tạm đình chỉ lưu thông động vật, sản phẩm động vật; hướng dẫn thực hiện các biện pháp vệ sinh thú y trong chăn nuôi, giết mổ, vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; thông báo bãi bỏ khu vực tạm đình chỉ lưu thông đối với động vật, sản phẩm động vật khi dịch bệnh đã được khống chế;

c) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp và các ban, ngành của địa phương thực hiện xử lý ổ dịch, bố trí kinh phí, hỗ trợ chủ cơ sở có động vật mắc bệnh, chết, buộc phải tiêu hủy.

Điều 26. Công bố dịch bệnh

1. Công bố dịch bệnh khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có ổ dịch bệnh thuộc Danh mục các bệnh phải công bố dịch xảy ra và đang có chiều hướng lây lan nhanh trên diện rộng hoặc phát hiện có tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới;

b) Có kết luận chẩn đoán xác định tác nhân gây bệnh của cơ quan có thẩm quyền chẩn đoán xét nghiệm bệnh động vật.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào đề nghị của nhân viên thú y cấp xã quyết định công bố dịch bệnh động vật trong phạm vi xã khi có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào đề nghị của cơ quan chuyên ngành thú y cấp huyện, quyết định công bố dịch bệnh động vật khi có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và dịch bệnh xảy ra từ 2 xã trở lên.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ đề nghị của cơ quan chuyên ngành thú y cấp tỉnh, quyết định công bố dịch bệnh động vật được quy định tại khoản 1 Điều này và dịch bệnh xảy ra từ hai huyện trở lên.

5. Khi công bố dịch, người có thẩm quyền công bố theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này đồng thời thông báo cho Ủy ban nhân dân cùng cấp để công bố vùng bị dịch uy hiếp, vùng đệm trên địa bàn có liên quan.

6. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ đề nghị của cơ quan chuyên ngành thú y trung ương, quyết định công bố thông tin về dịch bệnh động vật trong nước.

Điều 27. Ban chỉ đạo phòng, chống dịch

1. Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh động vật các cấp được thành lập khi xuất hiện nguy cơ dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm gây thiệt hại nghiêm trọng về kinh tế và đe dọa tính mạng sức khỏe con người.

Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể về thẩm quyền thành lập, tổ chức và hoạt động của Ban chỉ đạo phòng, chống dịch các cấp.

2. Thành phần Ban chỉ đạo phòng, chống dịch được quy định như sau:

a) Ban chỉ đạo phòng, chống dịch quốc gia gồm đại diện của cơ quan nông nghiệp, y tế, công thương, công an, tài chính, kế hoạch - đầu tư, thông tin - truyền thông, ngoại giao, quốc phòng, giao thông vận tải, khoa học công nghệ, tài nguyên và môi trường, thú y và các cơ quan liên quan khác. Căn cứ vào phạm vi địa bàn được công bố dịch và tính chất của dịch, Thủ tướng có thể tự mình hoặc chỉ định một Phó Thủ tướng hoặc Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Trưởng Ban. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là thường trực của Ban chỉ đạo;

b) Ban chỉ đạo phòng chống dịch cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã gồm đại diện của Ủy ban nhân dân, cơ quan nông nghiệp, thú y, y tế, tài chính, thông tin - truyền thông, công an và các cơ quan liên quan khác. Trưởng ban chỉ đạo phòng, chống dịch các cấp ở địa phương là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp, cơ quan nông nghiệp cùng cấp là thường trực của Ban chỉ đạo.

3. Ban chỉ đạo phòng, chống dịch có nhiệm vụ tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch và khắc phục hậu quả của dịch, thành lập đội chống dịch cơ động để trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khống chế và xử lý ổ dịch.

Điều 28. Tổ chức chống dịch bệnh

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dịch huy động nguồn lực của địa phương nhanh chóng thực hiện các biện pháp bao vây, khống chế, dập tắt dịch, ngăn ngừa dịch lây lan; kiểm tra việc công bố dịch và tổ chức chống dịch của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dịch;

b) Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc hỗ trợ chống dịch và triển khai việc hỗ trợ chống dịch;

c) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả chống dịch và kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ chống dịch, khắc phục hậu quả do dịch gây ra và khôi phục chăn nuôi.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Tổ chức và chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên ngành thú y địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các biện pháp chống dịch bệnh động vật; huy động nguồn lực tại địa phương để phòng, chống dịch bệnh động vật; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện phòng, chống dịch;

b) Chỉ đạo kiểm soát việc vận chuyển ra, vào ổ dịch, lưu thông trong vùng có dịch đối với động vật mắc bệnh, mắc bệnh, chết và sản phẩm của chúng;

c) Chỉ đạo kiểm soát người không có nhiệm vụ vào nơi có động vật mắc bệnh, động vật chết, khu vực xử lý động vật; tham quan, triển lãm, tập trung động vật mắc bệnh đã công bố dịch tại vùng có dịch;

d) Tổ chức phòng bệnh, chữa bệnh cho động vật; tiêu hủy động vật chết,

động vật mắc bệnh; giết mổ bắt buộc đối với động vật mắc bệnh; vệ sinh, khử trùng tiêu độc;

đ) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các biện pháp chống dịch, phòng ngừa dịch bệnh lây lan;

e) Chỉ đạo thực hiện các chính sách hỗ trợ trong chống dịch, khắc phục hậu quả do dịch gây ra, ổn định đời sống, khôi phục chăn nuôi;

g) Đề xuất Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực khi yêu cầu chống dịch vượt quá khả năng của địa phương; báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả phòng, chống dịch.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các biện pháp chống dịch trên địa bàn;

c) Thực hiện các chính sách hỗ trợ chống dịch, khắc phục hậu quả do dịch gây ra, ổn định đời sống và khôi phục chăn nuôi trên địa bàn;

d) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên quyết định hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực khi yêu cầu chống dịch vượt quá khả năng của địa phương; báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về kết quả chống dịch và thực hiện chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng chống dịch theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên;

b) Tổ chức tiêu hủy động vật chết, động vật mắc bệnh; giết mổ bắt buộc đối với động vật mắc bệnh; vệ sinh, khử trùng tiêu độc;

c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các biện pháp phòng chống dịch trên địa bàn;

d) Thực hiện các chính sách hỗ trợ phòng chống dịch, khắc phục hậu quả do dịch gây ra, ổn định đời sống và khôi phục chăn nuôi trên địa bàn;

đ) Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên về kết quả phòng chống dịch và thực hiện chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch.

5. Cơ quan chuyên ngành thú y địa phương có trách nhiệm tham mưu, hướng dẫn, tham gia thực hiện các biện pháp chống dịch, xác định thiệt hại do dịch gây ra, theo dõi, tổng hợp, đánh giá hiệu quả chống dịch và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

6. Nhân viên thú y cấp xã hướng dẫn chủ vật nuôi thực hiện việc cách ly động vật mắc bệnh; thống kê số lượng động vật mắc bệnh, động vật mắc cảm với dịch bệnh trên địa bàn; tiêm phòng; tham gia khử trùng tiêu độc; phối hợp cơ quan chuyên ngành thú y lấy mẫu bệnh phẩm.

7. Chủ vật nuôi, người hành nghề thú y, tổ chức, cá nhân có liên quan nơi có dịch phải thực hiện đúng các biện pháp phòng chống dịch theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 29. Phòng, chống dịch bệnh động vật trong vùng bị dịch uy hiếp

1. Cơ quan chuyên ngành thú y địa phương tham mưu để Ủy ban nhân dân cùng cấp chỉ đạo thực hiện:

a) Kiểm soát việc đưa vào, mang ra khỏi vùng bị dịch uy hiếp những động vật, sản phẩm động vật mắc cảm với bệnh dịch đã công bố;

b) Kiểm soát chặt chẽ việc giết mổ, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật trong vùng;

c) Áp dụng các biện pháp phòng bệnh bắt buộc cho động vật;

d) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các biện pháp phòng chống dịch trên địa bàn.

2. Trường hợp vùng biên giới nước láng giềng có dịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Công bố vùng bị dịch uy hiếp trong phạm vi vùng biên giới và thực hiện các biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Quyết định cửa khẩu và loài động vật không được phép vận chuyển qua cửa khẩu;

c) Quyết định cấm đưa vào lãnh thổ Việt Nam các loài động vật, sản phẩm động vật mắc cảm với mầm bệnh của dịch bệnh đang xảy ra ở nước láng giềng;

d) Chỉ đạo các cơ quan có liên quan kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động liên quan đến động vật, sản phẩm động vật trong vùng; thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng tiêu độc cho người, phương tiện vận chuyển qua cửa khẩu.

3. Chủ vật nuôi phải thực hiện các biện pháp sau:

a) Thực hiện tiêm phòng hoặc các biện pháp phòng bệnh khác theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành về thú y;

b) Vệ sinh, tiêu độc khử trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, môi trường nuôi;

c) Chấp hành các biện pháp phòng chống dịch của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 30. Phòng, chống dịch bệnh động vật trong vùng đệm

1. Cơ quan chuyên ngành thú y địa phương tham mưu để Ủy ban nhân dân cùng cấp chỉ đạo các cơ quan liên quan thực hiện:

a) Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ vận chuyển, giết mổ, buôn bán động vật, sản phẩm động vật;

b) Thường xuyên theo dõi, giám sát động vật mắc bệnh.

2. Chủ vật nuôi thực hiện các biện pháp theo quy định tại khoản 3 Điều 29 của Luật này.

Điều 31. Tiêu hủy, giết mổ bắt buộc động vật mắc bệnh, nghi mắc bệnh

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định tiêu hủy, giết mổ bắt buộc đối với động vật mắc bệnh, nghi mắc bệnh thuộc Danh mục các bệnh phải công bố dịch.

2. Nhà nước hỗ trợ việc tiêu hủy, giết mổ bắt buộc động vật, sản phẩm động vật mắc bệnh, nghi mắc bệnh, nhiễm bệnh, nghi nhiễm bệnh thuộc Danh mục các bệnh phải công bố dịch. Trong từng thời kỳ Thủ tướng Chính phủ quyết định cụ thể về nội dung và mức hỗ trợ đối với việc tiêu hủy, giết mổ bắt buộc động vật mắc bệnh, nghi mắc bệnh.

3. Việc giết mổ bắt buộc phải được thực hiện như sau:

a) Thực hiện tại cơ sở giết mổ do cơ quan chuyên ngành thú y địa phương chỉ định và phải thực hiện đầy đủ các biện pháp vệ sinh thú y theo quy định;

b) Phương tiện vận chuyển động vật giết mổ bắt buộc phải có sàn kín để không rơi vãi các chất thải trên đường đi và phải được khử trùng tiêu độc ngay sau vận chuyển;

c) Cơ sở giết mổ, dụng cụ giết mổ, chất thải của động vật bị giết mổ bắt buộc phải được xử lý, khử trùng tiêu độc sau giết mổ;

d) Thân thịt của động vật bị giết mổ bắt buộc không được sử dụng ở dạng tươi sống phải được xử lý bảo đảm vệ sinh thú y theo quy định. Những phụ phẩm, sản phẩm khác của động vật bị giết mổ bắt buộc không sử dụng được làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, chế biến công nghiệp phải tiêu hủy.

4. Động vật mắc bệnh, xác động vật mắc bệnh, nghi mắc bệnh thuộc danh mục các bệnh phải công bố dịch mà theo quy định phải tiêu hủy; sản phẩm của động vật bị giết mổ bắt buộc mà không sử dụng được và các chất độn chuồng, chất thải của động vật phải được đốt hoặc chôn sâu dưới đất theo hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thú y và phải bảo đảm quy trình kỹ thuật của cơ quan tài nguyên và môi trường.

5. Động vật mắc bệnh, nghi mắc bệnh trước khi tiêu hủy, giết mổ bắt buộc phải được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Luật này.

6. Trường hợp chưa công bố dịch, việc tiêu hủy, giết mổ bắt buộc động vật mắc bệnh, nghi mắc bệnh được quy định như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ đề xuất của cơ quan chuyên ngành thú y địa phương, quyết định tiêu hủy, giết mổ bắt buộc đối với động vật mắc bệnh, nghi mắc bệnh thuộc Danh mục các bệnh phải công bố dịch;

b) Việc tiêu hủy, giết mổ bắt buộc động vật mắc bệnh, nghi mắc bệnh tuân

theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

7. Chủ vật nuôi có động vật bị tiêu hủy, giết mổ bắt buộc có trách nhiệm:

a) Chấp hành việc tiêu hủy; giết mổ bắt buộc, tiêu thụ sản phẩm động vật giết mổ bắt buộc theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành thú y;

b) Thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều 25 của Luật này.

8. Hàng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí kinh phí dự phòng cho việc tiêu hủy động vật, hỗ trợ chủ vật nuôi có động vật bị tiêu hủy để bảo đảm việc khống chế, ngăn chặn bệnh dịch nhanh, hiệu quả.

Điều 32. Công bố hết dịch bệnh

1. Điều kiện để công bố hết dịch bệnh động vật bao gồm:

a) Đã tiêm phòng hoặc áp dụng các biện pháp phòng bệnh bắt buộc khác cho động vật miễn cảm với dịch bệnh trong vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp;

b) Trong thời hạn quy định đối với từng bệnh, kể từ ngày con vật mắc bệnh cuối cùng bị chết, bị giết mổ, giết hủy, xử lý bắt buộc hoặc lành bệnh mà không có con vật nào bị mắc bệnh hoặc chết vì dịch bệnh đã công bố;

c) Đã thực hiện các biện pháp vệ sinh, tiêu độc khử trùng bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y đối với vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp.

2. Công bố hết dịch bệnh

a) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức kiểm tra điều kiện công bố hết dịch theo quy định tại khoản 1 Điều này và báo cáo bằng văn bản cho cơ quan chuyên ngành thú y cấp huyện để tổ chức thẩm định, nếu đủ điều kiện thì cơ quan chuyên ngành thú y cấp huyện đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công bố hết dịch;

b) Cơ quan chuyên ngành thú y cấp huyện tổ chức kiểm tra điều kiện công bố hết dịch theo quy định khoản 1 Điều này và báo cáo bằng văn bản cho cơ quan chuyên ngành thú y cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện. Cơ quan chuyên ngành thú y cấp tỉnh tổ chức thẩm định, nếu đủ điều kiện thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố hết dịch.

c) Cơ quan chuyên ngành thú y cấp tỉnh tổ chức kiểm tra điều kiện công bố hết dịch theo quy định khoản 1 Điều này và báo cáo bằng văn bản cho cơ quan chuyên ngành thú y trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Cơ quan chuyên ngành thú y trung ương tổ chức thẩm định, nếu đủ điều kiện thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố hết dịch.

Mục 3

PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH CHO ĐỘNG VẬT THỦY SẢN

Điều 33. Quan trắc, cảnh báo môi trường

1. Chủ cơ sở nuôi trồng thủy sản có trách nhiệm:

a) Theo dõi, giám sát, kiểm tra các chỉ tiêu môi trường ở nơi nuôi trồng

thủy sản và ghi chép đầy đủ thông tin, số liệu thu thập được;

b) Cung cấp thông tin, số liệu về quan trắc môi trường, phòng ngừa dịch bệnh thủy sản nuôi khi có yêu cầu của cơ quan chuyên ngành có thẩm quyền.

2. Cơ quan chuyên ngành thú y, chuyên ngành thủy sản địa phương có trách nhiệm:

a) Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường;

b) Triển khai kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường nhằm phát hiện sớm các dấu hiệu bất lợi của môi trường để khuyến cáo chủ cơ sở điều chỉnh kịp thời.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, bố trí kinh phí và chỉ đạo thực hiện kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

a) Xây dựng hệ thống, hướng dẫn, tổ chức thực hiện quan trắc, dự báo, cảnh báo môi trường phục vụ nuôi trồng thủy sản; xử lý và khắc phục các biến động môi trường ở vùng nuôi;

b) Chỉ định tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia hoạt động dịch vụ quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản và báo cáo kết quả thực hiện cho cơ quan quản lý chuyên ngành thú y, nuôi trồng thủy sản.

Điều 34. Xử lý ổ dịch

1. Chủ cơ sở nuôi trồng thủy sản phải thực hiện:

a) Không xả nước thải, chất thải chưa qua xử lý ra môi trường;

b) Không vứt động vật mắc bệnh, chết, nghi mắc bệnh truyền nhiễm ra môi trường;

c) Điều trị, thu hoạch hoặc xử lý động vật mắc bệnh, chết, nghi mắc bệnh truyền nhiễm; các biện pháp khác ngăn chặn lây lan dịch bệnh theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành thú y.

2. Nhân viên thú y cấp xã có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, giám sát chủ cơ sở nuôi trồng thủy sản thực hiện các biện pháp theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Thống kê, báo cáo diện tích nuôi trồng thủy sản hoặc số lượng động vật mắc bệnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo giám sát, cảnh báo vùng có dịch;

b) Công khai vùng có dịch; tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn; thực hiện chính sách, mức hỗ trợ chống dịch, khắc phục hậu quả do dịch gây ra và khôi phục nuôi trồng trên địa bàn;

c) Chỉ đạo việc điều trị, thu hoạch, xử lý hoặc giám sát xử lý động vật mắc

bệnh; thống kê diện tích nuôi trồng thủy sản hoặc số lượng động vật mắc bệnh; vệ sinh khử trùng môi trường vùng có dịch;

d) Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng chống dịch theo chỉ đạo của Ban chỉ đạo và cơ quan chuyên ngành thú y thủy sản.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo:

a) Tổ chức phòng bệnh, xử lý động vật mắc bệnh; vệ sinh khử trùng tiêu độc môi trường nuôi theo quy định đối với từng bệnh;

b) Hướng dẫn chủ cơ sở, người mua bán, vận chuyển, thủy sản thực hiện các biện pháp vệ sinh thú y để ngăn chặn dịch bệnh lây lan;

c) Thực hiện các chính sách hỗ trợ chống dịch, khắc phục hậu quả do dịch gây ra và khôi phục nuôi trồng trên địa bàn;

d) Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo chỉ đạo của Ban chỉ đạo cấp tỉnh và cơ quan chuyên ngành thú y thủy sản cấp tỉnh;

đ) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các biện pháp chống dịch trên địa bàn;

e) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực khi yêu cầu chống dịch vượt quá khả năng của địa phương;

g) Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về kết quả chống dịch và thực hiện chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp, các ban, ngành của địa phương thực hiện xử lý ổ dịch, bố trí kinh phí, hỗ trợ chủ cơ sở có động vật thủy sản mắc bệnh, chết, buộc phải tiêu hủy;

b) Thành lập Ban chỉ đạo chống dịch của tỉnh (sau đây gọi chung là Ban chỉ đạo). Thành phần gồm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm Trưởng ban, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Phó Trưởng ban, lãnh đạo các ban, ngành có liên quan làm uỷ viên;

c) Chủ động xuất Quỹ dự phòng địa phương hoặc đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hỗ trợ hóa chất dự trữ Quốc gia cho địa phương chống dịch.

Điều 35. Thông báo, công bố dịch bệnh

1. Thông báo dịch bệnh:

a) Điều kiện thông báo dịch bệnh: Dịch bệnh thuộc Danh mục các bệnh phải công bố dịch và được cơ quan chuyên ngành thú y cấp huyện hoặc cấp tỉnh xác định;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo về tình hình dịch bệnh khi dịch bệnh xuất hiện nhỏ lẻ trong địa bàn xã;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo về tình hình dịch bệnh khi dịch bệnh xuất hiện nhỏ lẻ tại 02 (hai) xã trở lên.

2. Công bố dịch bệnh:

a) Điều kiện công bố dịch: Dịch bệnh thuộc Danh mục các bệnh phải công bố dịch đang xảy ra, có chiều hướng lây lan nhanh trên diện rộng và có văn bản đề nghị công bố dịch của cơ quan chuyên ngành thú y cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên ngành thú y trung ương kèm theo kết luận chẩn đoán xác định là bệnh thuộc Danh mục các bệnh thủy sản phải công bố dịch;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công bố khi dịch bệnh xuất hiện và lây lan tại 02 (hai) huyện trở lên;

c) Trường hợp dịch bệnh xảy ra ở 01 (một) huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đang có dịch bệnh để công bố dịch.

Điều 36. Tổ chức chống dịch bệnh

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm sau đây:

a) Chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dịch bệnh huy động nguồn lực của địa phương nhanh chóng thực hiện các biện pháp bao vây, khống chế, dập tắt dịch, ngăn ngừa dịch lây lan; kiểm tra việc công bố dịch và tổ chức chống dịch của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dịch;

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên ngành thú y trung ương theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh;

c) Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hỗ trợ phòng, chống dịch;

d) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả chống dịch, kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ chống dịch, khắc phục hậu quả do dịch gây ra và khôi phục nuôi trồng thủy sản.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Tổ chức và chỉ đạo cơ quan chuyên ngành thú y địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các biện pháp chống dịch bệnh; huy động nguồn lực tại địa phương để phòng, chống dịch bệnh; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện phòng, chống dịch;

b) Chỉ đạo việc xác định vùng có dịch, kiểm soát việc vận chuyển động vật, sản phẩm động vật thủy sản và người ra, vào vùng có dịch; phòng bệnh, chữa bệnh cho động vật thủy sản; vệ sinh, tiêu độc khử trùng; tuyên truyền, phổ biến các biện pháp phòng, chống dịch bệnh;

c) Tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ trong chống dịch, khắc phục hậu quả do dịch gây ra, khôi phục nuôi trồng thủy sản;

d) Đề xuất Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực khi yêu cầu chống dịch vượt quá khả năng của địa phương; báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả phòng, chống dịch.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo chỉ đạo của Ban chỉ đạo cấp tỉnh, bao gồm cả việc thành lập Ban chỉ đạo chống dịch cấp huyện;

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các biện pháp chống dịch trên địa bàn;

c) Thực hiện các chính sách hỗ trợ chống dịch, khắc phục hậu quả do dịch gây ra và khôi phục nuôi trồng trên địa bàn;

d) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực khi yêu cầu chống dịch vượt quá khả năng của địa phương;

đ) Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về kết quả chống dịch và thực hiện chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng chống dịch theo chỉ đạo của Ban chỉ đạo cấp trên;

b) Tổ chức, giám sát xử lý thủy sản mắc bệnh theo quy định;

c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các biện pháp phòng chống dịch trên địa bàn;

d) Thực hiện các chính sách hỗ trợ chống dịch, khắc phục hậu quả do dịch gây ra và khôi phục nuôi trồng trên địa bàn;

đ) Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên và cơ quan chuyên ngành thú y thủy sản cấp trên về kết quả phòng chống dịch và thực hiện chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch.

5. Cơ quan chuyên ngành thú y trung ương:

a) Hướng dẫn cơ quan chuyên ngành thú y cấp tỉnh các biện pháp chống dịch; tham gia hỗ trợ địa phương chống dịch hoặc trực tiếp chỉ đạo chống dịch khi thấy cần thiết;

b) Trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ hóa chất cho địa phương dập dịch từ Quỹ dự trữ Quốc gia; trường hợp đột xuất, cấp bách, dịch bệnh có nguy cơ bùng phát trên diện rộng theo quy định tại Luật Dự trữ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia có giá trị tương ứng với thẩm quyền quyết định chi ngân sách của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại Luật ngân sách nhà nước;

c) Hướng dẫn cơ quan chuyên ngành thú y cấp tỉnh điều tra, đánh giá ổ dịch; liên hệ với các chuyên gia, phòng thử nghiệm trong và ngoài nước để xác định tác nhân gây bệnh đối với trường hợp bệnh mới, bệnh chưa xác định được nguyên nhân.

6. Cơ quan chuyên ngành thú y cấp tỉnh có trách nhiệm tham mưu, hướng dẫn, tham gia thực hiện các biện pháp chống dịch, xác định thiệt hại do dịch gây ra, theo dõi, tổng hợp, đánh giá hiệu quả phòng chống dịch và thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về diện tích thả nuôi, diện tích thủy sản mắc bệnh, kết quả

phòng chống dịch và thực hiện chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch.

7. Nhân viên thú y cấp xã hướng dẫn chủ cơ sở nuôi xử lý thủy sản mắc bệnh theo quy định tại Điều 34 của Luật này; thống kê diện tích thả nuôi và diện tích có thủy sản bị bệnh; tham gia khử trùng tiêu độc; phối hợp cơ quan chuyên ngành thú y lấy mẫu bệnh phẩm.

8. Chủ cơ sở nuôi, tổ chức, cá nhân có liên quan nơi có dịch phải thực hiện đúng các biện pháp phòng, chống dịch theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 37. Tiêu độc khử trùng đối với ổ dịch

1. Chủ cơ sở thực hiện khử trùng môi trường nuôi, dụng cụ nuôi trồng thủy sản theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành thú y địa phương.

2. Người tham gia xử lý, tiêu huỷ động vật thủy sản phải thực hiện việc vệ sinh cá nhân đảm bảo không làm lây lan dịch bệnh.

Điều 38. Đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản chưa có bệnh thuộc vùng có dịch

1. Áp dụng các biện pháp nhằm ngăn chặn mầm bệnh xâm nhập vào cơ sở nuôi trồng thủy sản.

2. Tăng cường quan trắc, cảnh báo môi trường; giám sát dịch bệnh nhằm phát hiện sớm động vật mắc bệnh.

3. Tăng cường chăm sóc, nuôi dưỡng, nâng cao sức đề kháng cho động vật thủy sản.

Điều 39. Công bố hết dịch bệnh

1. Điều kiện để công bố hết dịch bệnh:

a) Không phát sinh ổ dịch mới kể từ khi ổ dịch cuối cùng được xử lý theo quy định đối với từng bệnh;

b) Đã áp dụng các biện pháp phòng bệnh bắt buộc cho động vật mắc cảm với dịch bệnh trong vùng có dịch;

c) Đã thực hiện các biện pháp vệ sinh, tiêu độc khử trùng bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y đối với vùng có dịch.

2. Công bố hết dịch bệnh

a) Cơ quan chuyên ngành thú y cấp tỉnh tổ chức kiểm tra điều kiện công bố hết dịch theo quy định khoản 1 Điều này và báo cáo bằng văn bản cho cơ quan chuyên ngành thú y trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Cơ quan chuyên ngành thú y trung ương tổ chức thẩm định, nếu đủ điều kiện thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố hết dịch.

b) Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố hết dịch theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 35 của Luật này: Cơ quan chuyên ngành thú y cấp huyện tổ chức kiểm tra điều kiện công bố hết dịch theo quy định khoản 1 Điều này và báo cáo bằng văn bản cho cơ quan chuyên ngành thú y cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện. Cơ

quan chuyên ngành thú y cấp tỉnh tổ chức thẩm định, nếu đủ điều kiện thì đề nghị Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện công bố hết dịch.

CHƯƠNG III

KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT

Mục 1

KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN

Điều 40. Quy định chung về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn

1. Động vật, sản phẩm động vật có trong Danh mục động vật, sản phẩm động vật trên cạn thuộc diện phải kiểm dịch trước khi vận chuyển ra khỏi tỉnh phải được kiểm dịch một lần tại nơi xuất phát trong các trường hợp sau:

- a) Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở thu gom, kinh doanh;
- b) Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chăn nuôi chưa được giám sát dịch bệnh;
- c) Động vật chưa được phòng bệnh bằng vắc xin theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật này hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin nhưng không còn miễn dịch bảo hộ;
- d) Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chưa được công nhận an toàn dịch bệnh động vật;
- đ) Sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở giết mổ động vật; sơ chế, chế biến sản phẩm động vật;
- e) Trong trường hợp động vật, sản phẩm động vật không thuộc quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này, nếu có yêu cầu của chủ hàng.

2. Động vật, sản phẩm động vật có trong Danh mục động vật, sản phẩm động vật trên cạn thuộc diện phải kiểm dịch trước khi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu; nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam phải được kiểm dịch.

3. Trong từng thời kỳ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành:

- a) Danh mục động vật, sản phẩm động vật trên cạn thuộc diện phải kiểm dịch, miễn kiểm dịch;
- b) Danh mục động vật, sản phẩm động vật trên cạn thuộc diện phải phân tích nguy cơ trước khi nhập khẩu vào Việt Nam;
- c) Danh mục đối tượng kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;
- d) Quy định cụ thể về trình tự, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi tỉnh, xuất khẩu, nhập khẩu; tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam; động vật, sản phẩm động vật mang theo người.

Điều 41. Yêu cầu đối với động vật, sản phẩm động vật trên cạn khi vận chuyển ra khỏi tỉnh

1. Động vật, sản phẩm động vật có trong Danh mục động vật, sản phẩm động vật trên cạn thuộc diện phải kiểm dịch khi vận chuyển ra khỏi tỉnh phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Có Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật do cơ quan chuyên ngành thú y địa phương nơi xuất phát cấp;

b) Không gây lây lan dịch bệnh động vật, con người; động vật khỏe mạnh; sản phẩm động vật đảm bảo vệ sinh thú y, không gây hại đến sức khỏe, tính mạng con người.

2. Động vật, sản phẩm động vật được vận chuyển bằng phương tiện vận chuyển, chứa đựng đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Điều 72 của Luật này.

Điều 42. Trình tự kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi tỉnh

1. Động vật, sản phẩm động vật theo quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật này được thực hiện kiểm dịch như sau:

a) Tổ chức, cá nhân khi vận chuyển động vật, sản phẩm động vật phải đăng ký kiểm dịch với cơ quan chuyên ngành thú y địa phương;

b) Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan chuyên ngành thú y quyết định và thông báo cho chủ hàng về địa điểm, thời gian kiểm dịch;

c) Nội dung thực hiện kiểm dịch: Tổ chức kiểm tra lâm sàng, chẩn đoán, xét nghiệm động vật, sản phẩm động vật để phát hiện đối tượng kiểm dịch;

d) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cơ quan chuyên ngành thú y địa phương cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 05 (năm) ngày làm việc do yêu cầu về chuyên môn kỹ thuật hoặc trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì cơ quan chuyên ngành thú y địa phương thông báo hoặc trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ khi vận chuyển được kiểm dịch như sau:

a) Tổ chức, cá nhân khi vận chuyển động vật, sản phẩm động vật phải đăng ký kiểm dịch với cơ quan chuyên ngành thú y địa phương;

b) Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan chuyên ngành thú y địa phương thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch.

Điều 43. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn xuất khẩu

1. Động vật, sản phẩm động vật thuộc Danh mục động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch trước khi xuất khẩu phải được kiểm dịch và cấp

Giấy chứng nhận kiểm dịch theo yêu cầu của nước nhập khẩu, trường hợp nước nhập khẩu không yêu cầu kiểm dịch thì thực hiện theo quy định về kiểm dịch vận chuyển ra khỏi tỉnh.

2. Cơ quan chuyên ngành thú y trung ương thực hiện việc kiểm dịch và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam và yêu cầu của nước nhập khẩu.

3. Cơ quan chuyên ngành thú y trung ương tiến hành kiểm dịch tại nơi xuất phát hoặc tại nơi cách ly kiểm dịch ở cửa khẩu theo quy trình, yêu cầu vệ sinh thú y quy định đối với động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu.

4. Cơ quan chuyên ngành thú y trung ương quyết định ủy quyền cho cơ quan chuyên ngành thú y địa phương thực hiện việc kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu, nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật tại một số cửa khẩu biên giới.

Điều 44. Trình tự kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn xuất khẩu

1. Hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, bao gồm:

- a) Giấy đăng ký kiểm dịch;
- b) Yêu cầu vệ sinh thú y của nước nhập khẩu (nếu có);
- c) Mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu (nếu có).

2. Trình tự kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu được quy định như sau:

a) Tổ chức, cá nhân khi xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật có trong Danh mục động vật, sản phẩm động vật trên cạn thuộc diện phải kiểm dịch phải nộp hồ sơ đăng ký kiểm dịch cho cơ quan chuyên ngành thú y trung ương;

b) Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên ngành thú y quyết định và thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian tiến hành kiểm dịch;

c) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch cơ quan chuyên ngành thú y trung ương cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 05 (năm) ngày làm việc do yêu cầu về chuyên môn kỹ thuật hoặc trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch cơ quan chuyên ngành thú y thông báo hoặc trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trường hợp nước nhập khẩu không yêu cầu thì thực hiện kiểm dịch theo quy định tại Điều 42 của Luật này.

Điều 45. Phân tích nguy cơ động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu

1. Động vật, sản phẩm động vật có trong Danh mục động vật, sản phẩm động vật trên cạn thuộc diện phải phân tích nguy cơ trước khi nhập khẩu vào

Việt Nam phải được phân tích nguy cơ dịch bệnh.

2. Cơ quan chuyên ngành thú y trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện phân tích nguy cơ trên cơ sở thông tin do cơ quan có thẩm quyền về thú y của nước xuất khẩu cung cấp và các nguồn thông tin có liên quan khác.

3. Căn cứ kết quả phân tích nguy cơ, cơ quan chuyên ngành thú y trung ương cho phép hoặc không cho phép nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật.

Điều 46. Yêu cầu đối với động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu

1. Đối với động vật:

a) Khỏe mạnh, xuất phát từ vùng, cơ sở được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc không có bệnh nguy hiểm theo quy định của Tổ chức Thú y thế giới và của Việt Nam;

b) Có Giấy chứng nhận kiểm dịch do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp đáp ứng yêu cầu về vệ sinh thú y của Việt Nam.

2. Đối với sản phẩm động vật sử dụng làm thực phẩm:

a) Có nguồn gốc từ động vật đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Có Giấy chứng nhận kiểm dịch do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp đáp ứng yêu cầu về vệ sinh thú y của Việt Nam;

c) Được giết mổ, sơ chế, chế biến tại các cơ sở sản xuất đã đăng ký xuất khẩu vào Việt Nam.

3. Đối với sản phẩm động vật không sử dụng làm thực phẩm:

a) Được lấy từ động vật theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Có Giấy chứng nhận kiểm dịch do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp đáp ứng yêu cầu về vệ sinh thú y của Việt Nam.

c) Trường hợp sử dụng để sản xuất con giống phải có nguồn gốc từ cơ sở giống an toàn dịch bệnh hoặc không có bệnh nguy hiểm theo quy định của Tổ chức Thú y thế giới và của Việt Nam.

4. Trong trường hợp cần thiết cơ quan chuyên ngành thú y trung ương giám sát quá trình cách ly kiểm dịch; kiểm tra, đánh giá hệ thống quản lý, giám sát dịch bệnh, vệ sinh thú y tại nước xuất khẩu.

Điều 47. Hồ sơ đăng ký, khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu

1. Hồ sơ nộp cho cơ quan chuyên ngành thú y trung ương gồm:

a) Văn bản đề nghị hướng dẫn kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu của tổ chức, cá nhân;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức, cá nhân;

c) Đối với động vật, sản phẩm động vật thuộc đối tượng quản lý của các

cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan khác, phải nộp bản sao văn bản hoặc giấy phép theo quy định quản lý của các cơ quan này.

2. Hồ sơ nộp cho cơ quan chuyên ngành thú y tại cửa khẩu, nơi cách ly kiểm dịch gồm:

a) Giấy đăng ký kiểm dịch;

b) Văn bản hướng dẫn kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật của cơ quan chuyên ngành thú y trung ương;

c) Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu.

Điều 48. Trình tự kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu

1. Tổ chức, cá nhân khi nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật có trong Danh mục động vật, sản phẩm động vật trên cạn thuộc diện phải kiểm dịch, phải nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 47 của Luật này cho cơ quan chuyên ngành thú y trung ương.

2. Cơ quan chuyên ngành thú y trung ương thực hiện: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, căn cứ tình hình dịch bệnh, hệ thống quản lý giám sát dịch bệnh, giám sát vệ sinh thú y của nước xuất khẩu để quyết định và có văn bản hướng dẫn các tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu.

3. Trường hợp động vật, sản phẩm động vật hoặc từ những nước, vùng lãnh thổ lần đầu tiên đăng ký nhập khẩu vào Việt Nam hoặc từ những nước, vùng lãnh thổ có nguy cơ cao về dịch bệnh phải được cơ quan chuyên ngành thú y trung ương tiến hành phân tích nguy cơ theo quy định tại Điều 45 của Luật này.

4. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành thú y trung ương và đề nghị của tổ chức, cá nhân nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật, cơ quan chuyên ngành thú y tổ chức thực hiện kiểm tra thực trạng về điều kiện cách ly kiểm dịch động vật nhập khẩu, bảo quản sản phẩm động vật nhập khẩu.

5. Cơ quan chuyên ngành thú y tại cửa khẩu, nơi cách ly kiểm dịch thực hiện: Trong vòng 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Luật này quyết định và thông báo cho chủ hàng về địa điểm, thời gian và tiến hành kiểm dịch theo quy định tại Điều 49 của Luật này.

Điều 49. Nội dung kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu

1. Cơ quan chuyên ngành thú y tại cửa khẩu, nơi cách ly kiểm dịch thực hiện kiểm dịch đối với động vật nhập khẩu như sau:

a) Kiểm tra hồ sơ kiểm dịch, tình trạng sức khỏe của động vật; nếu hồ sơ kiểm dịch hợp lệ, động vật không có dấu hiệu mắc bệnh nguy hiểm thì xác nhận để chủ hàng làm thủ tục và chuyển động vật đến khu cách ly kiểm dịch

hoặc đến địa điểm đã được kiểm tra, có đủ điều kiện để cách ly kiểm dịch. Thời gian theo dõi cách ly kiểm dịch phù hợp với từng loài động vật, từng bệnh được kiểm tra nhưng không quá 45 (bốn mươi lăm) ngày;

b) Cách ly, giám sát động vật tại khu cách ly kiểm dịch hoặc địa điểm đã thống nhất với cơ quan quản lý chuyên ngành thú y trung ương;

c) Lấy mẫu kiểm tra các bệnh, áp dụng các biện pháp phòng bệnh bắt buộc cho động vật theo quy định;

d) Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật nhập khẩu và thông báo cho cơ quan chuyên ngành thú y nơi tiếp nhận;

đ) Hướng dẫn chủ hàng thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng tiêu độc.

2. Cơ quan chuyên ngành thú y tại cửa khẩu, kho bảo quản thực hiện kiểm dịch đối với sản phẩm động vật nhập khẩu như sau:

a) Đối với trường hợp hàng lưu giữ tại khu vực cảng nhập: Kiểm tra hồ sơ kiểm dịch, thực trạng hàng hóa, lấy mẫu kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo quy định;

b) Đối với trường hợp hàng được vận chuyển về kho để bảo quản: Kiểm tra hồ sơ kiểm dịch và xác nhận đề chủ hàng làm thủ tục và đưa hàng về kho; lấy mẫu kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo quy định;

c) Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu đối với sản phẩm động vật;

d) Hướng dẫn chủ hàng thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng tiêu độc.

Điều 50. Hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam

1. Hồ sơ nộp cho cơ quan chuyên ngành thú y trung ương gồm:

a) Văn bản đề nghị hướng dẫn kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam của tổ chức, cá nhân;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức, cá nhân;

c) Hợp đồng thương mại;

d) Đối với động vật, sản phẩm động vật thuộc đối tượng quản lý của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có liên quan khác, phải nộp bản sao văn bản hoặc giấy phép theo quy định quản lý của các cơ quan này.

2. Hồ sơ nộp cho cơ quan chuyên ngành thú y tại cửa khẩu gồm:

a) Giấy đăng ký kiểm dịch;

b) Văn bản hướng dẫn kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt

Nam của cơ quan chuyên ngành thú y trung ương;

c) Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu.

Điều 51. Trình tự kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam

1. Tổ chức, cá nhân khi tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật trên cạn có trong Danh mục động vật, sản phẩm động vật trên cạn thuộc diện phải kiểm dịch phải nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật này cho cơ quan chuyên ngành thú y trung ương;

2. Cơ quan chuyên ngành thú y trung ương thực hiện: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, căn cứ tình hình dịch bệnh, hệ thống quản lý giám sát dịch bệnh, giám sát vệ sinh thú y của nước xuất khẩu để quyết định và có văn bản hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam.

3. Cơ quan chuyên ngành thú y tại cửa khẩu thực hiện: Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 50 của Luật này quyết định và thông báo cho chủ hàng để tiến hành kiểm dịch theo quy định tại Điều 52 của Luật này.

Điều 52. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam

1. Tại cửa khẩu nhập, cơ quan chuyên ngành thú y thực hiện:

a) Kiểm tra hồ sơ kiểm dịch, thực trạng lô hàng;

b) Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch để chủ hàng làm thủ tục, trừ các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này;

c) Niêm phong hoặc kẹp chì phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật;

d) Hướng dẫn chủ hàng và thực hiện các quy định vệ sinh thú y trong quá trình lưu giữ, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật trên lãnh thổ Việt Nam; khử trùng tiêu độc phương tiện vận chuyển và nơi bốc dỡ hàng hóa;

đ) Trong trường hợp động vật, sản phẩm động vật được vận chuyển bằng công-ten-nơ hoặc phương tiện đóng kín khác, nếu phát hiện phương tiện vận chuyển, dấu niêm phong, kẹp chì có biểu hiện bất thường, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y yêu cầu chủ hàng mở công-ten-nơ, phương tiện vận chuyển để kiểm tra vệ sinh thú y với sự chứng kiến của cơ quan hải quan và chủ hàng.

2. Chủ hàng khi vận chuyển động vật, sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Thực hiện đúng các quy định của cơ quan chuyên ngành thú y trung ương trong quá trình lưu giữ, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật trên lãnh thổ Việt Nam;

b) Không được tự ý bóc dỡ hàng hoặc tháo dỡ niêm phong hoặc kẹp chì, trừ trường hợp cần thiết thì phải có sự chứng kiến của cơ quan chuyên ngành thú y. Trong trường hợp cần thay đổi phương tiện vận chuyển thì phải được sự chấp thuận của cơ quan chuyên ngành thú y trung ương;

c) Phải thông báo cho cơ quan chuyên ngành thú y trung ương nếu bắt buộc phải thay đổi lộ trình đi hoặc thay đổi cửa khẩu;

d) Không được để động vật tiếp xúc với động vật trong nước; chỉ được phép thả động vật để cho ăn, uống hoặc các trường hợp đặc biệt khác khi cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cho phép và giám sát;

đ) Phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật không làm rơi vãi chất thải trên đường đi. Xác động vật, chất thải, chất độn, thức ăn thừa của động vật, bao bì phát sinh trong quá trình vận chuyển phải được thu gom xử lý tại các địa điểm theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành thú y trung ương.

3. Tại cửa khẩu xuất, cơ quan chuyên ngành thú y thực hiện:

a) Kiểm tra Giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan chuyên ngành thú y tại cửa khẩu nhập;

b) Kiểm tra dấu niêm phong hoặc kẹp chì phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật;

c) Nếu hàng hóa đúng với Giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan chuyên ngành thú y tại cửa khẩu nhập cấp thì xác nhận để chủ hàng làm thủ tục xuất hàng.

4. Cơ quan chuyên ngành thú y trung ương không cho phép tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật trong các trường hợp sau đây:

a) Động vật, sản phẩm động vật đã đi qua quốc gia, vùng lãnh thổ đang có dịch bệnh cảm nhiễm với loài động vật đó;

b) Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu không hợp lệ;

c) Động vật mắc bệnh, nghi mắc bệnh, sản phẩm động vật mang mầm bệnh nguy hiểm theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 52. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam

1. Tại cửa khẩu nhập, cơ quan chuyên ngành thú y trung ương thực hiện:

a) Kiểm tra hồ sơ kiểm dịch, thực trạng lô hàng;

b) Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch để chủ hàng làm thủ tục, trừ các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này;

c) Niêm phong hoặc kẹp chì phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật;

d) Hướng dẫn chủ hàng và thực hiện các quy định vệ sinh thú y trong quá trình lưu giữ, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật trên lãnh thổ Việt Nam; khử trùng tiêu độc phương tiện vận chuyển và nơi bốc dỡ hàng hóa;

đ) Trong trường hợp động vật, sản phẩm động vật được vận chuyển bằng công-ten-nơ hoặc phương tiện đóng kín khác, nếu phát hiện phương tiện vận chuyển, dấu niêm phong, kẹp chì có biểu hiện bất thường, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y yêu cầu chủ hàng mở công-ten-nơ, phương tiện vận chuyển để kiểm tra vệ sinh thú y với sự chứng kiến của cơ quan hải quan và chủ hàng.

2. Chủ hàng khi vận chuyển động vật, sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Thực hiện đúng các quy định của cơ quan chuyên ngành thú y trung ương trong quá trình lưu giữ, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật trên lãnh thổ Việt Nam;

b) Không được tự ý bốc dỡ hàng hoặc tháo dỡ niêm phong hoặc kẹp chì, trừ trường hợp cần thiết thì phải có sự chứng kiến của cơ quan chuyên ngành thú y. Trong trường hợp cần thay đổi phương tiện vận chuyển thì phải được sự chấp thuận của cơ quan chuyên ngành thú y trung ương;

c) Phải thông báo cho cơ quan chuyên ngành thú y trung ương nếu bắt buộc phải thay đổi lộ trình đi hoặc thay đổi cửa khẩu;

d) Không được để động vật tiếp xúc với động vật trong nước; chỉ được phép thả động vật để cho ăn, uống hoặc các trường hợp đặc biệt khác khi cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cho phép và giám sát;

đ) Phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật không làm rơi vãi chất thải trên đường đi. Xác động vật, chất thải, chất độn, thức ăn thừa của động vật, bao bì phát sinh trong quá trình vận chuyển phải được thu gom xử lý tại các địa điểm theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành thú y trung ương.

3. Tại cửa khẩu xuất, cơ quan chuyên ngành thú y trung ương thực hiện:

a) Kiểm tra Giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan chuyên ngành thú y tại cửa khẩu nhập;

b) Kiểm tra dấu niêm phong hoặc kẹp chì phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật;

c) Nếu hàng hóa đúng với Giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan chuyên ngành thú y tại cửa khẩu nhập cấp thì xác nhận để chủ hàng làm thủ tục xuất hàng.

4. Cơ quan chuyên ngành thú y trung ương không cho phép tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật trong các trường hợp sau đây:

a) Động vật, sản phẩm động vật đã đi qua quốc gia, vùng lãnh thổ đang có dịch bệnh cảm nhiễm với loài động vật đó;

b) Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu không hợp lệ;

c) Động vật mắc bệnh, nghi mắc bệnh, sản phẩm động vật mang mầm bệnh nguy hiểm theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 53. Yêu cầu đối với động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm

1. Động vật, sản phẩm động vật tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật phải đảm bảo các quy định sau đây:

a) Có Giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan chuyên ngành thú y địa phương nơi xuất phát đối với động vật, sản phẩm động vật có nguồn gốc trong nước theo quy định về kiểm dịch vận chuyển ra khỏi tỉnh;

b) Có Giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan chuyên ngành thú y trung ương đối với động vật, sản phẩm động vật được đưa từ nước ngoài vào Việt Nam theo quy định về kiểm dịch nhập khẩu.

2. Trong thời gian tập trung, người chịu trách nhiệm về động vật, sản phẩm động vật phải thực hiện các quy định vệ sinh thú y đồng thời phải chịu sự giám sát của cơ quan chuyên ngành thú y ở địa phương.

3. Khi kết thúc hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật, cơ quan chuyên ngành thú y địa phương hướng dẫn vệ sinh, khử trùng tiêu độc khu vực tập trung động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch cho động vật, sản phẩm động vật đạt yêu cầu vệ sinh thú y để vận chuyển, sử dụng trong nước; trường hợp có nhu cầu xuất ra khỏi Việt Nam, chủ hàng phải làm thủ tục theo quy định về kiểm dịch xuất khẩu.

Điều 54. Vận chuyển mẫu bệnh phẩm

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đưa vào Việt Nam, gửi ra nước ngoài mẫu bệnh phẩm phải khai báo và gửi hồ sơ tới cơ quan chuyên ngành thú y trung ương.

2. Mẫu bệnh phẩm gửi tới cơ sở xét nghiệm phải được bao gói, bảo quản, vận chuyển theo quy định, bảo đảm vệ sinh thú y, không làm phát tán mầm bệnh, không gây ô nhiễm môi trường.

3. Bệnh phẩm không được phép đưa vào Việt Nam hoặc bệnh phẩm không được bao gói, vận chuyển theo quy định, không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, có nguy cơ làm phát tán và gây ô nhiễm môi trường phải được tiêu hủy.

Mục 2

KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN

Điều 55. Quy định chung về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản

1. Động vật, sản phẩm động vật có trong Danh mục động vật, sản phẩm động vật thủy sản thuộc diện phải kiểm dịch trước khi vận chuyển ra khỏi tỉnh phải được kiểm dịch một lần tại nơi xuất phát trong các trường hợp sau:

a) Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ vùng đã được cơ quan có thẩm quyền công bố dịch;

b) Động vật sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở thu gom, kinh doanh;

c) Động vật sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở nuôi trồng thủy sản chưa được công nhận cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc chưa được giám sát dịch bệnh theo quy định;

d) Trong trường hợp động vật, sản phẩm động vật không thuộc quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này, nếu có yêu cầu của chủ hàng.

2. Động vật, sản phẩm động vật có trong Danh mục động vật, sản phẩm động vật thủy sản thuộc diện phải kiểm dịch trước khi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu; nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam phải được kiểm dịch.

3. Trong từng thời kỳ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành:

a) Danh mục động vật thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản thuộc diện phải kiểm dịch, miễn kiểm dịch;

b) Danh mục động vật thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản thuộc diện phải phân tích nguy cơ trước khi nhập khẩu vào Việt Nam;

c) Danh mục đối tượng kiểm dịch động vật thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản;

d) Quy định cụ thể về trình tự, thủ tục kiểm dịch động vật thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi tỉnh, xuất khẩu, nhập khẩu; tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam.

Điều 56. Yêu cầu đối với động vật thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi tỉnh

1. Động vật thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản có trong Danh mục động vật, sản phẩm động vật thủy sản thuộc diện phải kiểm dịch khi vận chuyển ra khỏi tỉnh phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Có Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật thủy sản, sản phẩm động vật do cơ quan chuyên ngành thú y địa phương nơi xuất phát cấp;

b) Không gây lây lan dịch bệnh động vật; động vật khỏe mạnh; sản phẩm

động vật đảm bảo vệ sinh thú y, không gây hại đến sức khỏe con người.

2. Động vật thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản được vận chuyển bằng phương tiện vận chuyển, chứa đựng động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định tại Điều 72 của Luật này.

Điều 57. Trình tự kiểm dịch động vật thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi tỉnh

1. Động vật thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản thuộc quy định tại khoản 1 Điều 55 của Luật này được thực hiện kiểm dịch như sau:

a) Tổ chức, cá nhân khi vận chuyển động vật thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản phải đăng ký kiểm dịch với cơ quan chuyên ngành thú y địa phương;

b) Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan chuyên ngành thú y địa phương quyết định và thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch;

c) Nội dung thực hiện kiểm dịch: Tổ chức kiểm tra lâm sàng, chẩn đoán, xét nghiệm động vật thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản để phát hiện đối tượng kiểm dịch;

d) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cơ quan chuyên ngành thú y cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 03 (ba) ngày làm việc do yêu cầu về chuyên môn kỹ thuật hoặc trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì cơ quan chuyên ngành thú y địa phương thông báo hoặc trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh khi vận chuyển ra khỏi tỉnh được kiểm dịch như sau:

a) Tổ chức, cá nhân khi vận chuyển động vật thủy sản làm giống phải đăng ký kiểm dịch với cơ quan chuyên ngành thú y địa phương;

b) Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan chuyên ngành thú y địa phương quyết định và thông báo cho chủ hàng về địa điểm, thời gian kiểm dịch;

c) Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, cơ quan chuyên ngành thú y địa phương thực hiện cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch.

Điều 58. Trình tự kiểm dịch động vật thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm

Trình tự kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản có trong Danh mục động vật, sản phẩm động vật thủy sản thuộc diện phải kiểm dịch xuất khẩu không dùng làm thực phẩm thực hiện theo quy định tại Điều 43 và Điều 44 của Luật này.

Điều 59. Trình tự kiểm dịch động vật thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu dùng làm thực phẩm

1. Trước khi xuất khẩu động vật thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản có trong Danh mục động vật thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản thuộc diện phải kiểm dịch dùng làm thực phẩm tổ chức, cá nhân phải khai báo kiểm dịch với cơ quan có thẩm quyền. Hồ sơ khai báo gồm:

a) Giấy đăng ký kiểm dịch;

b) Yêu cầu về kiểm dịch của nước nhập khẩu (nếu có);

c) Đối với động vật, sản phẩm động vật thuộc đối tượng quản lý của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan khác, phải nộp bản sao văn bản hoặc giấy phép theo quy định;

d) Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh của cơ sở nuôi nơi xuất xứ của thủy sản để sản xuất lô hàng (nếu có).

2. Trình tự kiểm dịch: Khi nhận được đăng ký kiểm dịch của tổ chức, cá nhân, cơ quan có thẩm quyền thực hiện:

a) Kiểm tra số lượng, chủng loại, bao gói động vật thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản;

b) Kiểm tra dấu hiệu bệnh lý;

c) Lấy mẫu xét nghiệm các chỉ tiêu bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu (nếu có), trừ các chỉ tiêu bệnh đã được công nhận an toàn dịch bệnh đối với cơ sở nuôi nơi xuất xứ của động vật thủy sản;

d) Trường hợp lấy mẫu xét nghiệm bệnh, trong thời gian 01 (một) ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền kiểm dịch phải gửi mẫu tới phòng thử nghiệm được chỉ định để xét nghiệm bệnh;

đ) Trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi nhận được mẫu, phòng thử nghiệm phải thông báo kết quả xét nghiệm cho cơ quan có thẩm quyền.

3. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch:

a) Trường hợp không lấy mẫu xét nghiệm mà có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu: cơ quan có thẩm quyền kiểm dịch thực hiện cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra;

b) Trường hợp lấy mẫu xét nghiệm: cơ quan có thẩm quyền thực hiện cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận được kết quả xét nghiệm đạt yêu cầu;

c) Trường hợp chủ hàng có yêu cầu đổi Giấy chứng nhận kiểm dịch đối với lô hàng, cơ quan thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra lô hàng và cấp chuyên đổi giấy chứng nhận kiểm dịch.

Điều 60. Trình tự kiểm dịch động vật thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam; vận chuyển mẫu bệnh phẩm động vật thủy sản

Trình tự kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam; vận chuyển mẫu bệnh phẩm động vật thủy sản thực hiện theo quy định tại Điều 46, Điều 47, Điều 48, Điều 49, Điều 50, Điều 51, Điều 52 và Điều 54 của Luật này.

Điều 61. Yêu cầu đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm

1. Động vật, sản phẩm động vật thủy sản có trong Danh mục động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật phải đảm bảo các quy định sau đây:

a) Có Giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan chuyên ngành thú y địa phương nơi xuất phát đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản có nguồn gốc trong nước thuộc các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật này;

b) Có Giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan chuyên ngành thú y trung ương đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản được đưa từ nước ngoài vào Việt Nam.

2. Trong thời gian tập trung, người chịu trách nhiệm về động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải thực hiện các quy định vệ sinh thú y đồng thời phải chịu sự giám sát của cơ quan chuyên ngành thú y địa phương.

3. Khi kết thúc hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật, cơ quan chuyên ngành thú y ở địa phương hướng dẫn vệ sinh, khử trùng tiêu độc khu vực tập trung động vật, sản phẩm động vật thủy sản; trường hợp có nhu cầu xuất ra khỏi Việt Nam, chủ hàng phải làm thủ tục theo quy định về kiểm dịch xuất khẩu.

Mục 3

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VỀ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT

Điều 62. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan chuyên ngành thú y trung ương

1. Cơ quan chuyên ngành thú y trung ương có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc kiểm dịch vận chuyển động vật, sản phẩm động vật trong nước; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam; yêu cầu vệ sinh thú y đối với động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu;

b) Quyết định các biện pháp xử lý; giám sát việc xử lý động vật, sản phẩm

động vật thuộc diện phải kiểm dịch xuất khẩu, nhập khẩu không đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y;

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan xử lý động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch vô chủ, không rõ nguồn gốc từ nước ngoài vào Việt Nam;

d) Phối hợp với cơ quan thú y có thẩm quyền của nước xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật để thực hiện việc kiểm tra tại nước xuất khẩu hoặc yêu cầu kiểm dịch theo quy định của nước nhập khẩu tại Việt Nam;

đ) Cung cấp các thông tin về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật cho các nước có liên quan khi được yêu cầu.

2. Cơ quan chuyên ngành thú y trung ương có quyền hạn:

a) Yêu cầu cơ quan thú y có thẩm quyền của nước xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật cung cấp các thông tin liên quan và phối hợp kiểm tra tại nước xuất khẩu;

b) Từ chối nhập khẩu vào Việt Nam động vật, sản phẩm động vật không đáp ứng các yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;

c) Chỉ định các tổ chức, cá nhân hành nghề xử lý động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu không đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y; yêu cầu chủ hàng thực hiện và chịu chi phí.

Điều 63. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan chuyên ngành thú y địa phương

1. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển trong nước theo quy định.

2. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam khi được cơ quan chuyên ngành thú y trung ương ủy quyền.

3. Quyết định các biện pháp xử lý; giám sát việc xử lý động vật, sản phẩm động vật; chỉ định các tổ chức, cá nhân hành nghề xử lý động vật, sản phẩm động vật không đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y; yêu cầu chủ hàng thực hiện và chịu chi phí.

Điều 64. Tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu; cấm xuất khẩu, nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật

1. Tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu hoặc cấm xuất khẩu, nhập khẩu trong các trường hợp sau:

a) Động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu được xác định mang mầm bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, có nguy cơ làm lây lan dịch bệnh đến đàn vật nuôi trong nước, ảnh hưởng đến sức khỏe con người; bị cảnh báo, không đáp ứng các quy định của Việt Nam; ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc xuất khẩu của Việt Nam;

b) Động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu không bảo đảm yêu cầu vệ sinh

thú y, bị cảnh báo của nước nhập khẩu, có nguy cơ làm mất thị trường xuất khẩu của Việt Nam.

2. Khi các nguy cơ được quy định tại khoản 1 Điều này đã được khắc phục thì động vật, sản phẩm động vật được tiếp tục xuất khẩu, nhập khẩu.

3. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết Điều này.

Điều 65. Trách nhiệm và quyền hạn của kiểm dịch viên động vật

1. Thực hiện việc kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật theo quy định của Luật này; chấp hành quy trình nghiệp vụ kiểm dịch và chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình; khi làm nhiệm vụ kiểm dịch viên động vật phải mặc trang phục, đeo phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu và thẻ kiểm dịch động vật.

2. Yêu cầu chủ hàng cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan cần thiết cho việc kiểm dịch.

3. Hướng dẫn, giám sát chủ hàng đưa động vật, sản phẩm đến địa điểm, khu cách ly kiểm dịch; vệ sinh khử trùng phương tiện vận chuyển.

4. Thực hiện việc kiểm tra, lấy mẫu trong quá trình kiểm dịch theo quy định.

Điều 66. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ hàng

1. Chủ hàng có trách nhiệm sau đây:

a) Chấp hành các quy định của Luật này và pháp luật khác có liên quan trong việc kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật;

b) Tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan chuyên ngành thú y thực hiện việc kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật;

c) Cung cấp thông tin cần thiết phục vụ cho công tác kiểm dịch khi cơ quan chuyên ngành thú y yêu cầu;

d) Chịu trách nhiệm nuôi giữ, chăm sóc động vật, bảo quản sản phẩm động vật và tuân theo sự hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành thú y;

đ) Phải báo cho cơ quan chuyên ngành thú y nơi gần nhất khi phát hiện bệnh lạ hoặc nghi ngờ động vật mắc bệnh, sản phẩm động vật mang mầm bệnh;

e) Không được tự ý đánh tráo, thay đổi số lượng động vật đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch.

2. Chủ hàng có quyền sau đây:

a) Được cung cấp thông tin về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật;

b) Được cơ quan chuyên ngành thú y hướng dẫn nhận biết, phát hiện các yếu tố gây hại đến động vật, sản phẩm động vật; các biện pháp vệ sinh tiêu độc khử trùng;

c) Khiếu nại về kết quả kiểm dịch và quyết định của cơ quan chuyên

ngành thú y.

CHƯƠNG IV
KIỂM SOÁT GIẾT MỔ ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN,
SƠ CHẾ, CHẾ BIẾN SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT;
KIỂM TRA VỆ SINH THÚ Y

Mục 1

KIỂM SOÁT GIẾT MỔ ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN,
SƠ CHẾ, CHẾ BIẾN SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT

Điều 67. Quy định chung về kiểm soát giết mổ động vật trên cạn; sơ chế, chế biến sản phẩm động vật

1. Động vật có trong Danh mục động vật thuộc diện phải kiểm soát giết mổ được cơ quan chuyên ngành thú y tổ chức thực hiện kiểm tra trước và sau khi giết mổ.

2. Động vật, sản phẩm động vật có trong Danh mục động vật, sản phẩm động vật phải kiểm tra vệ sinh thú y được cơ quan chuyên ngành thú y tổ chức thực hiện kiểm tra trong quá trình sơ chế, chế biến.

Điều 68. Yêu cầu đối với giết mổ động vật trên cạn, sơ chế, chế biến sản phẩm động vật

1. Yêu cầu đối với giết mổ:

a) Việc giết mổ động vật phải được thực hiện tại cơ sở giết mổ đảm bảo các yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 71 của Luật này;

b) Động vật thuộc Danh mục động vật thuộc diện phải kiểm soát giết mổ khi đưa vào giết mổ phải khỏe mạnh, đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y và được đối xử theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Luật này;

c) Sản phẩm động vật phải được đóng dấu kiểm soát giết mổ hoặc dán tem vệ sinh thú y hoặc in trên bao bì chứa đựng sản phẩm trước khi tiêu thụ;

d) Việc giết mổ động vật tại các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ do Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm quản lý và phối hợp với cơ quan chuyên ngành thú y địa phương để tổ chức thực hiện kiểm soát giết mổ.

2. Yêu cầu đối với sơ chế, chế biến sản phẩm động vật:

a) Cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật phải đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 71 của Luật này;

b) Sản phẩm động vật phải được kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch trước khi vận chuyển ra khỏi tỉnh.

Điều 69. Nội dung kiểm soát giết mổ động vật trên cạn; sơ chế, chế biến sản phẩm động vật

1. Nội dung kiểm soát giết mổ động vật tại cơ sở giết mổ:

a) Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu vệ sinh thú y đối với động vật giết mổ;

b) Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 71 của Luật này;

c) Kiểm tra việc thực hiện các quy định đối với người trực tiếp tham gia giết mổ động vật;

d) Kiểm tra động vật trước và sau khi giết mổ để phát hiện các yếu tố gây bệnh, gây hại cho động vật, sức khỏe con người, môi trường;

đ) Xử lý động vật, sản phẩm động vật không đảm bảo vệ sinh thú y;

e) Đóng dấu hoặc đánh dấu kiểm soát giết mổ trên thân thịt hoặc dán tem vệ sinh thú y; cấp giấy chứng nhận kiểm dịch vận chuyển sản phẩm động vật trước khi ra khỏi tỉnh;

g) Việc kiểm soát giết mổ động vật tại các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ thực hiện theo điểm d khoản 1 Điều 68 của Luật này.

2. Nội dung kiểm soát sơ chế, chế biến sản phẩm động vật:

a) Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 71 của Luật này;

b) Kiểm tra việc thực hiện các quy định đối với người trực tiếp tham gia sơ chế, chế biến sản phẩm động vật;

c) Xử lý sản phẩm động vật không đảm bảo vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm.

Mục 2

KIỂM TRA VỆ SINH THÚ Y

Điều 70. Quy định chung về kiểm tra vệ sinh thú y

1. Kiểm tra vệ sinh thú y phải được thực hiện trong quá trình chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản giống, vận chuyển, giết mổ động vật trên cạn; sơ chế, chế biến, bảo quản, buôn bán sản phẩm động vật.

2. Cơ quan chuyên ngành thú y thực hiện kiểm tra, giám sát vệ sinh thú y đối với các đối tượng có trong Danh mục đối tượng thuộc diện phải kiểm tra vệ sinh thú y; phân tích nguy cơ, truy xuất nguồn gốc đối với động vật, sản phẩm động vật.

Điều 71. Yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ động vật trên cạn, sơ chế, chế biến sản phẩm động vật

1. Cơ sở giết mổ động vật tập trung:

a) Địa điểm cơ sở phải theo quy hoạch của chính quyền địa phương;

b) Thiết kế các khu vực riêng biệt để ngăn ngừa ô nhiễm chéo;

- c) Trang thiết bị, dụng cụ đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y;
- d) Có đủ nước sạch phục vụ cho việc giết mổ động vật;
- đ) Có hệ thống xử lý chất thải đảm bảo an toàn dịch bệnh, vệ sinh môi trường;
- e) Người trực tiếp tham gia giết mổ động vật phải có đủ sức khỏe và thực hiện các qui trình vệ sinh trong quá trình giết mổ.

2. Cơ sở giết mổ động vật nhỏ lẻ:

- a) Địa điểm tách biệt với nguồn gây độc hại, nguồn gây ô nhiễm;
- b) Có trang thiết bị, dụng cụ phù hợp để giết mổ, không gây độc hại, ô nhiễm cho sản phẩm động vật;
- c) Có đủ nước sạch phục vụ cho việc giết mổ động vật;
- d) Có biện pháp thu gom, xử lý nước thải, chất thải đảm bảo an toàn dịch bệnh, vệ sinh môi trường;
- đ) Người trực tiếp tham gia giết mổ động vật phải có đủ sức khỏe và thực hiện các qui trình vệ sinh trong quá trình giết mổ.

3. Cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật để kinh doanh:

- a) Có địa điểm, diện tích thích hợp, có khoảng cách an toàn đối với nguồn gây độc hại, ô nhiễm và các yếu tố gây hại khác;
- b) Thiết kế các khu vực riêng biệt để ngăn ngừa ô nhiễm chéo;
- c) Trang thiết bị, dụng cụ đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y;
- d) Có đủ nước đạt quy chuẩn kỹ thuật phục vụ cho việc sơ chế, chế biến sản phẩm động vật;
- đ) Có hệ thống xử lý chất thải đảm bảo an toàn dịch bệnh, vệ sinh môi trường;
- e) Quy trình sơ chế, chế biến phải bảo đảm sản phẩm không bị ô nhiễm chéo, tiếp xúc với các yếu tố gây ô nhiễm hoặc độc hại;

g) Người trực tiếp tham gia sơ chế, chế biến sản phẩm động vật phải có đủ sức khỏe và thực hiện qui trình vệ sinh trong quá trình sơ chế, chế biến.

4. Cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật nhỏ lẻ:

- a) Có khoảng cách đảm bảo không bị ô nhiễm bởi các tác nhân gây hại;
- b) Trang thiết bị, dụng cụ đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y;
- c) Có đủ nước sạch phục vụ cho việc sơ chế, chế biến sản phẩm động vật;
- d) Có biện pháp thu gom, xử lý nước thải, chất thải đảm bảo an toàn dịch bệnh, vệ sinh môi trường;
- đ) Người trực tiếp tham gia sơ chế, chế biến sản phẩm động vật phải có đủ sức khỏe và thực hiện qui trình vệ sinh trong quá trình sơ chế, chế biến.

Điều 72. Yêu cầu vệ sinh thú y trong vận chuyển động vật, sản phẩm động vật

1. Phương tiện vận chuyển động vật:
 - a) An toàn về mặt kỹ thuật để bảo vệ động vật trong quá trình vận chuyển;
 - b) Đảm bảo trong quá trình vận chuyển không để thoát lọt nước thải và chất thải ra môi trường;
 - c) Dễ vệ sinh, khử trùng tiêu độc;
 - d) Đối với phương tiện vận chuyển kín phải có hệ thống cung cấp dưỡng khí hoặc thông khí thích hợp.
2. Phương tiện vận chuyển, vật dụng chứa đựng sản phẩm động vật:
 - a) An toàn về mặt kỹ thuật để bảo đảm chất lượng của sản phẩm động vật không bị ảnh hưởng trong quá trình vận chuyển;
 - b) Mặt trong của vật dụng chứa đựng sản phẩm động vật phải được làm bằng vật liệu không gỉ, dễ vệ sinh, khử trùng tiêu độc;
 - c) Vật dụng chứa đựng sản phẩm động vật phải kín để bảo quản sản phẩm không bị ô nhiễm từ môi trường bên ngoài và ngược lại;
 - d) Đáp ứng yêu cầu nhiệt độ bảo quản đối với từng loại sản phẩm động vật trong suốt quá trình vận chuyển.
3. Chất thải, nước thải trong quá trình vận chuyển phải được thu gom, xử lý theo quy định.

Điều 73. Yêu cầu vệ sinh thú y đối với chợ kinh doanh động vật

1. Chợ chuyên kinh doanh động vật:
 - a) Địa điểm phải theo quy hoạch của chính quyền địa phương;
 - b) Có các khu vực riêng biệt đối với từng loài động vật;
 - c) Trang thiết bị, dụng cụ đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y;
 - d) Có đủ nguồn nước sạch phục vụ cho động vật;
 - đ) Có biện pháp thu gom, xử lý chất thải, nước thải đảm bảo an toàn dịch bệnh, vệ sinh môi trường;
 - e) Thực hiện vệ sinh, khử trùng tiêu độc theo quy định.
2. Địa điểm, chợ kinh doanh động vật nhỏ lẻ:
 - a) Tách biệt với các ngành hàng khác;
 - b) Thuận lợi việc vệ sinh, tiêu độc khử trùng; thu gom chất thải, nước thải để xử lý.

Điều 74. Yêu cầu vệ sinh thú y trong kinh doanh sản phẩm động vật

1. Việc kinh doanh sản phẩm động vật phải thực hiện như sau:
 - a) Phương tiện bày bán, dụng cụ chứa đựng sản phẩm động vật phải được

làm bằng vật liệu không gỉ, không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, dễ làm sạch, khử trùng;

b) Có biện pháp bảo quản thích hợp để sản phẩm động vật không bị mất an toàn thực phẩm, biến chất;

c) Địa điểm và vật dụng dùng trong việc buôn bán sản phẩm động vật phải được vệ sinh sạch trước và sau khi bán, định kỳ tiêu độc khử trùng;

d) Kho, thiết bị bảo quản sản phẩm động vật phải tuân thủ các qui định theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng;

đ) Nước thải trong quá trình buôn bán động vật, sản phẩm động vật tại các chợ phải được xử lý đạt tiêu chuẩn vệ sinh thú y trước khi thải ra môi trường.

2. Ngoài ra, việc kinh doanh sản phẩm động vật với mục đích làm thực phẩm phải thực hiện theo quy định của Luật an toàn thực phẩm.

Điều 75. Yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán, phẫu thuật động vật

1. Cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán phải bảo đảm yêu cầu sau:

a) Địa điểm xa khu dân cư, công trình công cộng;

b) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ, hóa chất;

c) Có nơi riêng biệt để nuôi động vật thí nghiệm;

d) Có biện pháp thu gom, xử lý nước thải, chất thải đảm bảo an toàn dịch bệnh, vệ sinh môi trường.

2. Cơ sở phẫu thuật phải bảo đảm yêu cầu sau:

a) Có đủ diện tích, cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị, dụng cụ, hóa chất;

b) Có nơi nuôi nhốt động vật trước và sau phẫu thuật;

c) Có biện pháp thu gom, xử lý nước thải, chất thải đảm bảo an toàn dịch bệnh, vệ sinh môi trường.

Điều 76. Nội dung kiểm tra vệ sinh thú y

1. Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện yêu cầu vệ sinh thú y đối với các đối tượng thuộc diện phải kiểm tra vệ sinh thú y.

2. Cơ quan chuyên ngành về thú y khi kiểm tra phải thực hiện áp dụng các biện pháp kỹ thuật để phát hiện đối tượng kiểm tra vệ sinh thú y.

3. Kết luận và xử lý theo quy định của pháp luật.

Mục 3

TRÁCH NHIỆM TRONG GIẾT MỔ ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN; SƠ CHẾ, CHẾ BIẾN SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT; KIỂM TRA VỆ SINH THÚ Y

Điều 77. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành:

1. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện vệ sinh thú y đối với các đối tượng thuộc diện kiểm tra vệ sinh thú y.

2. Danh mục động vật thuộc diện phải kiểm soát giết mổ; Danh mục động vật, sản phẩm động vật phải kiểm tra vệ sinh thú y; Danh mục đối tượng thuộc diện phải kiểm tra vệ sinh thú y; Danh mục đối tượng kiểm tra vệ sinh thú y.

3. Quy trình kiểm soát giết mổ động vật; mẫu dấu kiểm soát giết mổ, tem vệ sinh thú y.

Điều 78. Trách nhiệm của cơ quan chuyên ngành thú y

1. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về vệ sinh thú y đối với các đối tượng thuộc diện phải kiểm tra vệ sinh thú y, đối tượng kiểm tra vệ sinh thú y.

2. Hướng dẫn các biện pháp xử lý đối với các đối tượng thuộc diện phải kiểm tra vệ sinh thú y không đạt yêu cầu.

3. Tập huấn nâng cao kiến thức cho cán bộ, kỹ thuật viên thực hiện công tác kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y.

4. Thẩm quyền kiểm soát giết mổ:

a) Cơ quan chuyên ngành thú y trung ương thực hiện kiểm soát giết mổ động vật trên cạn để xuất khẩu;

b) Cơ quan chuyên ngành thú y địa phương thực hiện kiểm soát giết mổ động vật trên cạn để tiêu thụ trong nước.

Điều 79. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Ban hành các quy định, cơ chế chính sách, hướng dẫn cụ thể về hoạt động giết mổ, kiểm soát giết mổ động vật trên cạn; sơ chế, chế biến, vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y trên cơ sở văn bản quy phạm pháp luật cho phù hợp với địa phương;

b) Chỉ đạo xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch giết mổ động vật trên cạn; sơ chế, chế biến, vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật trên địa bàn;

c) Chỉ đạo các ban, ngành có liên quan tại địa phương phối hợp quản lý việc giết mổ, kiểm soát giết mổ động vật trên cạn; sơ chế, chế biến, vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật và vệ sinh thú y trên địa bàn; tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về thú y;

d) Chỉ đạo tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về hoạt động giết mổ, kiểm soát giết mổ động vật; sơ chế, chế biến, vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật và vệ sinh thú y theo quy định của pháp luật trên địa bàn.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Phối hợp với các ban, ngành liên quan tổ chức triển khai quy hoạch giết

mổ động vật; sơ chế, chế biến, vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật trên địa bàn;

b) Thực hiện quản lý hoạt động giết mổ động vật; sơ chế, chế biến, vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật và vệ sinh thú y trên địa bàn;

c) Tổ chức thực hiện các quy định tại điểm a, điểm đ khoản 2 Điều 10 của Luật này.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Phối hợp với các cơ quan chức năng quản lý hoạt động giết mổ động vật; sơ chế, chế biến, vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật và vệ sinh thú y đối với các cơ sở tập trung trên địa bàn;

b) Thực hiện quản lý hoạt động giết mổ động vật; sơ chế, chế biến, vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật và vệ sinh thú y đối với các cơ sở nhỏ lẻ trên địa bàn;

c) Thực hiện các quy định tại điểm a, điểm e khoản 3 Điều 10 của Luật này.

Điều 80. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân

1. Trách nhiệm:

a) Tuân thủ các quy định về vệ sinh thú y, điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong suốt quá trình vận chuyển, giết mổ, sơ chế, chế biến, bảo quản và buôn bán động vật, sản phẩm động vật;

b) Chịu trách nhiệm về an toàn thực phẩm, vệ sinh thú y đối với động vật sản phẩm động vật thuộc các khâu trong quá trình trên;

c) Lưu giữ hồ sơ và các thông tin cần thiết để truy xuất nguồn gốc;

d) Tuân thủ quy định pháp luật, quy định về thanh tra kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Quyền hạn:

a) Được cung cấp thông tin trung thực và tập huấn về kiểm soát giết mổ, vệ sinh thú y;

b) Được khiếu nại, tố cáo, khởi kiện và bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V

QUẢN LÝ THUỐC THÚ Y

Mục 1

QUẢN LÝ THUỐC VÀ ĐĂNG KÝ THUỐC THÚ Y

Điều 81. Quy định chung về quản lý thuốc thú y

1. Thuốc thú y phải được quản lý chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật.

2. Thuốc thú y phải đảm bảo chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật mới được

cấp giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam.

3. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu thuốc thú y theo quy định tại khoản 2 Điều 99 của Luật này phải có Giấy phép nhập khẩu và sử dụng đúng mục đích ghi trong Giấy phép nhập khẩu.

4. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành:

a) Quy chuẩn kỹ thuật về thuốc thú y;

b) Danh mục thuốc thú y hợp chuẩn được phép lưu hành tại Việt Nam;

c) Danh mục thuốc thú y phải kiểm soát đặc biệt;

d) Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng tại Việt Nam;

đ) Các quy định cụ thể về hoạt động sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu, buôn bán, khảo nghiệm, kiểm nghiệm, đăng ký lưu hành, ghi nhãn và sử dụng thuốc thú y.

Điều 82. Thuốc thú y không được đăng ký lưu hành

1. Thuốc thú y có trong Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng tại Việt Nam.

2. Thuốc thú y có nguy cơ cao ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, động vật, môi trường.

3. Thuốc thú y bị các cơ quan có thẩm quyền kết luận là xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

4. Tổ chức, cá nhân đăng ký thuốc thú y giả mạo hoặc tự ý sửa chữa hồ sơ, tài liệu, giấy tờ pháp lý của các cơ quan quản lý chức năng của Việt Nam hoặc của nước ngoài.

5. Tổ chức, cá nhân đăng ký thuốc thú y sử dụng con dấu giả hoặc giả mạo chữ ký hoặc dấu của các tổ chức, cá nhân liên quan trong hồ sơ đăng ký thuốc thú y.

Điều 83. Đăng ký lưu hành thuốc thú y

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu thuốc thú y phải đăng ký lưu hành thuốc thú y với cơ quan chuyên ngành thú y trung ương trong các trường hợp sau:

a) Thuốc thú y mới sản xuất trong nước;

b) Thuốc thú y lần đầu nhập khẩu vào Việt Nam để buôn bán, sản xuất.

2. Hồ sơ đăng ký bao gồm:

a) Đơn đăng ký lưu hành thuốc thú y;

b) Tài liệu kỹ thuật, mẫu nhãn thuốc thú y;

c) Kết quả phân tích chất lượng sản phẩm của nhà sản xuất; kết quả kiểm nghiệm chất lượng thuốc thú y của phòng thử nghiệm được chỉ định tại Việt Nam còn hiệu lực; kết quả khảo nghiệm về hiệu lực và độ an toàn của thuốc thú y đối với thuốc phải khảo nghiệm;

d) Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y; Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y do cơ quan có thẩm quyền nước sản xuất cấp đối với thuốc thú y nhập khẩu.

3. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y:

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký cho cơ quan chuyên ngành thú y trung ương;

b) Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên ngành thú y trung ương tổ chức thẩm định, cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y, cơ quan chuyên ngành thú y trung ương phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y có giá trị trong thời hạn 05 năm và được gia hạn.

Điều 84. Gia hạn Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y

1. Trước thời hạn 03 (ba) tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y hết hạn, tổ chức, cá nhân có nhu cầu gia hạn thì phải nộp hồ sơ đăng ký gia hạn.

2. Hồ sơ đăng ký gia hạn bao gồm:

a) Đơn đăng ký gia hạn Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y;

b) Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y;

c) Kết quả phân tích chất lượng sản phẩm của nhà sản xuất; kết quả kiểm nghiệm chất lượng thuốc thú y của phòng thử nghiệm được chỉ định tại Việt Nam còn hiệu lực;

d) Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y, Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y do cơ quan có thẩm quyền nước sản xuất cấp đối với thuốc thú y nhập khẩu.

3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên ngành thú y trung ương gia hạn Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y. Trường hợp không gia hạn phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y được gia hạn có giá trị trong thời hạn 05 năm.

Điều 85. Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y

Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y được cấp lại trong các trường hợp sau:

1. Thay đổi thành phần, công thức, dạng bào chế, đường dùng, liều dùng, chỉ định điều trị của thuốc thú y; thay đổi phương pháp, quy trình sản xuất mà làm thay đổi chất lượng sản phẩm; đánh giá lại chất lượng, hiệu quả, độ an toàn của thuốc thú y theo quy định. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký lưu hành lại thuốc thú y thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 83 của Luật

này.

2. Bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi tên sản phẩm hoặc thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký lưu hành thuốc thú y. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y như sau:

a) Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y: đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y; tài liệu chứng minh nội dung thay đổi; bản sao Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y (trừ trường hợp giấy bị mất hoặc thất lạc).

b) Trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y cho cơ quan chuyên ngành thú y Trung ương; trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên ngành thú y Trung ương cấp cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y; trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 86. Thu hồi Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y

1. Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Bị tẩy xóa, sửa chữa nội dung;

b) Phát hiện giấy tờ giả; thông tin không trung thực trong hồ sơ đã đăng ký lưu hành đã được xét duyệt;

c) Thuốc thú y bị cấm lưu hành tại Việt Nam;

d) Có bằng chứng khoa học về thuốc thú y gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, động vật, môi trường;

đ) Thuốc thú y có hai lô sản xuất liên tiếp không đạt tiêu chuẩn chất lượng hoặc vi phạm tiêu chuẩn chất lượng một lần nhưng nghiêm trọng do cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng thuốc thú y kết luận;

e) Tổ chức, cá nhân đăng ký đề nghị rút giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam;

g) Thuốc bị rút giấy chứng nhận lưu hành ở nước sở tại;

h) Thuốc bị các cơ quan có thẩm quyền kết luận là xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;

i) Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm khác mà pháp luật quy định phải thu hồi.

2. Cơ quan chuyên ngành thú y trung ương có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y.

Mục 2

KHẢO NGHIỆM THUỐC THÚ Y

Điều 87. Khảo nghiệm thuốc thú y

1. Việc khảo nghiệm thuốc thú y phải thực hiện đối với tất cả thuốc thú y trước khi đăng ký lưu hành tại Việt Nam; trừ các trường hợp được miễn khảo nghiệm theo quy định.

2. Việc khảo nghiệm thuốc thú y chỉ được tiến hành sau khi có Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y trung ương và do tổ chức có đủ điều kiện khảo nghiệm thuốc thú y theo quy định tại Điều 91 của Luật này.

Điều 88. Cấp Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y

1. Hồ sơ đăng ký cấp Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y bao gồm:

- a) Đơn đăng ký cấp Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y;
- b) Giấy tờ chứng minh đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 91 của Luật này;
- c) Tài liệu kỹ thuật của thuốc thú y.

2. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y:

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y cho cơ quan chuyên ngành thú y trung ương;

b) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên ngành thú y trung ương cho phép số lượng thuốc thú y được phép nhập khẩu để khảo nghiệm trong Giấy phép nhập khẩu thuốc thú y; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y có giá trị trong thời hạn 05 năm.

Điều 89. Cấp lại Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y

1. Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y được cấp lại trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc thay đổi tên cơ sở, tên sản phẩm, thông tin của tổ chức, cá nhân đăng ký khảo nghiệm thuốc thú y.

2. Hồ sơ đăng ký bao gồm:

- a) Đơn đăng ký;
- b) Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất.

3. Trình tự, thủ tục cấp lại Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y:

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký cấp lại Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y cho cơ quan chuyên ngành thú y trung ương;

b) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên ngành thú y trung ương cấp Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 90. Thu hồi Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y

1. Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y bị thu hồi trong các trường hợp sau:

- a) Bị tẩy xóa, sửa chữa nội dung;

b) Phát hiện giấy tờ giả, thông tin không trung thực trong hồ sơ đăng ký cấp Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y.

c) Thuốc thú y có nguy cơ gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của con người, động vật và môi trường theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Cơ quan chuyên ngành thú y trung ương có thẩm quyền thu hồi Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y.

Điều 91. Yêu cầu đối với tổ chức khảo nghiệm thuốc thú y

1. Tổ chức thực hiện khảo nghiệm thuốc thú y phải bảo đảm yêu cầu sau đây:

a) Người phụ trách kỹ thuật của cơ sở phải có chứng chỉ hành nghề khảo nghiệm;

b) Người lao động có trình độ chuyên môn phù hợp và đã được tập huấn về khảo nghiệm thuốc thú y;

c) Không trực tiếp đứng tên đăng ký hoặc không được nhận ủy quyền đứng tên đăng ký thuốc thú y tại Việt Nam;

d) Có cơ sở vật chất - kỹ thuật bảo đảm cho việc khảo nghiệm thuốc thú y.

Điều 92. Quyền lợi và nghĩa vụ của tổ chức thực hiện khảo nghiệm thuốc thú y

1. Quyền lợi của tổ chức thực hiện khảo nghiệm thuốc thú y:

a) Được cung cấp thông tin về các vấn đề liên quan đến khảo nghiệm thuốc thú y;

b) Được thu phí khảo nghiệm thuốc thú y theo quy định;

c) Khiếu nại quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

2. Nghĩa vụ của tổ chức thực hiện khảo nghiệm thuốc thú y:

a) Khảo nghiệm phải khách quan, chính xác;

b) Tuân thủ đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật và các yêu cầu khảo nghiệm;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả khảo nghiệm;

d) Lưu giữ toàn bộ số liệu liên quan đến việc thực hiện khảo nghiệm tối thiểu 05 (năm) năm, kể từ ngày khảo nghiệm kết thúc;

đ) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động khảo nghiệm của cơ quan có thẩm quyền;

e) Bồi thường thiệt hại theo qui định của pháp luật.

Mục 3

SẢN XUẤT, BUÔN BÁN, NHẬP KHẨU, XUẤT KHẨU, THUỐC THÚ Y

Điều 93. Điều kiện đối với cơ sở sản xuất thuốc thú y

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất thuốc thú y phải có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Đối với cơ sở vật chất - kỹ thuật:

a) Có địa điểm, nhà xưởng, kho thuốc, bảo đảm diện tích, khoảng cách an toàn cho người, vật nuôi và môi trường.

b) Có trang thiết bị phù hợp với quy mô sản xuất, kiểm tra chất lượng đối với từng loại thuốc thú y.

c) Có hệ thống xử lý nước thải, chất thải bảo đảm vệ sinh thú y, môi trường.

3. Đối với nhân lực của cơ sở:

a) Người trực tiếp quản lý sản xuất, kiểm nghiệm thuốc thú y phải có Chứng chỉ hành nghề thú y.

b) Người trực tiếp sản xuất thuốc thú y phải được tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn phù hợp.

Điều 94. Quyền lợi và nghĩa vụ của cơ sở sản xuất thuốc thú y

1. Quyền lợi của cơ sở sản xuất:

a) Sản xuất thuốc thú y đã có giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam;

b) Nhập khẩu nguyên liệu, thuốc thú y để sản xuất, tái xuất theo hợp đồng ký kết với nước ngoài; nhượng quyền theo hợp đồng ký kết;

c) Thông tin, quảng cáo thuốc thú y theo quy định tại Điều 102 của Luật này và pháp luật về quảng cáo;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Nghĩa vụ của cơ sở sản xuất thuốc thú y:

a) Sản xuất thuốc thú y phải đúng tiêu chuẩn cơ sở do cơ sở sản xuất thuốc thú y công bố;

b) Tuân thủ quy định về kiểm nghiệm, bảo quản, phân phối thuốc thú y và thực hành tốt sản xuất;

c) Chịu trách nhiệm về chất lượng thuốc thú y do cơ sở sản xuất và chỉ được phép lưu thông thuốc thú y đạt chất lượng trên thị trường;

d) Lưu giữ mẫu thuốc thú y theo từng lô sản xuất trong thời hạn ít nhất 06 tháng kể từ khi thuốc thú y hết hạn sử dụng;

đ) Theo dõi, phát hiện thuốc thú y của cơ sở sản xuất không bảo đảm yêu cầu theo quy định, cơ sở sản xuất có trách nhiệm thông báo và thu hồi ngay toàn bộ thuốc thú y đang lưu hành trên thị trường;

e) Phải bồi thường thiệt hại do lỗi của cơ sở sản xuất theo quy định của

pháp luật;

g) Cung cấp tài liệu cần thiết cho việc thanh tra, kiểm tra và đánh giá toàn bộ hoạt động sản xuất thuốc thú y theo quy định của pháp luật;

h) Chủ cơ sở sản xuất thuốc thú y phải tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng, phòng ngừa tác dụng không mong muốn do thuốc thú y gây ra khi sử dụng; bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn cho người trực tiếp sản xuất thuốc thú y;

i) Chấp hành, thực hiện quy định của các pháp luật khác về phòng chống cháy nổ, hóa chất, an toàn lao động, môi trường;

Điều 95. Điều kiện nhập khẩu, buôn bán thuốc thú y

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, buôn bán thuốc thú y phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có đăng ký kinh doanh thuốc thú y.
2. Có địa điểm, cơ sở vật chất, kỹ thuật phù hợp;
3. Người quản lý, người trực tiếp bán thuốc thú y phải có Chứng chỉ hành nghề thú y.

Điều 96. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nhập khẩu, buôn bán thuốc thú y

1. Quyền lợi của tổ chức, cá nhân nhập khẩu, buôn bán thuốc thú y:
 - a) Được nhập khẩu, buôn bán thuốc thú y có giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam;
 - b) Được cung cấp thông tin và hướng dẫn liên quan đến thuốc thú y;
 - c) Được tham gia tập huấn về an toàn trong sử dụng, bảo quản, vận chuyển và phòng ngừa tác dụng không mong muốn do thuốc thú y gây ra.
2. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nhập khẩu, buôn bán thuốc thú y:
 - a) Bán đúng loại thuốc thú y theo đơn đối với thuốc thú y phải kê đơn hoặc theo yêu cầu của người mua với thuốc thú y không phải kê đơn;
 - b) Niêm yết giá bán, bán đúng giá niêm yết và lập sổ theo dõi việc mua, bán thuốc thú y;
 - c) Tuân thủ điều kiện bảo quản thuốc thú y ghi trên nhãn và hướng dẫn sử dụng thuốc thú y cho người mua theo đúng nội dung của nhãn thuốc thú y;
 - d) Lưu giữ tài liệu có liên quan đến từng lô thuốc thú y trong thời hạn ít nhất 06 tháng kể từ khi thuốc thú y hết hạn dùng;
 - đ) Cung cấp thông tin liên quan đến việc nhập khẩu, buôn bán thuốc thú y của cơ sở cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu;
 - e) Bồi thường thiệt hại do lỗi của cơ sở buôn bán thuốc thú y theo quy định của pháp luật;
 - g) Khi phát hiện thuốc thú y của cơ sở buôn bán không bảo đảm các yêu cầu theo quy định, cơ sở buôn bán có trách nhiệm thông báo cho đại lý

trực tiếp hoặc cơ sở sản xuất đã cung cấp thuốc thú y để thu hồi ngay toàn bộ thuốc thú y đó trên thị trường; tham gia thu hồi thuốc thú y đã bán ra.

Điều 97. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, nhập khẩu, buôn bán thuốc thú y

1. Hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y bao gồm:

- a) Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y;
- b) Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất - kỹ thuật theo quy định tại Điều 93 của Luật này; Danh mục các dạng thuốc thú y sản xuất;
- c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Chứng chỉ hành nghề sản xuất thuốc thú y;
- d) Bản sao văn bản phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền.

2. Hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu, buôn bán thuốc thú y bao gồm:

- a) Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y; Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y;
- b) Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất - kỹ thuật theo quy định tại Điều 93 của Luật này;
- d) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Chứng chỉ hành nghề thú y phù hợp.

3. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, nhập khẩu buôn bán thuốc thú y:

- a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, buôn bán thuốc thú y nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, nhập khẩu, buôn bán thuốc thú y cho cơ quan chuyên ngành thú y theo quy định tại khoản 5 Điều này;
- b) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên ngành thú y kiểm tra thực tế điều kiện sản xuất, nhập khẩu, buôn bán thuốc thú y tại cơ sở sản xuất, nhập khẩu, buôn bán thuốc thú y; nếu đủ điều kiện thì trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc phải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y, Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y, Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, nhập khẩu, buôn bán thuốc thú y bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

- a) Bị tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
- b) Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật mà bị xử phạt vi phạm hành chính từ 03 lần trong một năm hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính 03 lần liên tiếp về một hành vi vi phạm trong lĩnh vực sản xuất, nhập khẩu, buôn bán thuốc thú y;

c) Tổ chức, cá nhân không còn hoạt động sản xuất, kinh doanh;

d) Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm khác mà pháp luật quy định phải thu hồi giấy chứng nhận.

5. Trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất nhập khẩu, buôn bán thuốc thú y trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký.

a) Hồ sơ đề nghị cấp lại bao gồm: Đơn đề nghị cấp lại; Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi trong trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký; Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y, Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y, Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y đề nghị cấp lại (trừ trường hợp giấy bị mất hoặc thất lạc).

b) Trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y, Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y, Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho cơ quan chuyên ngành thú y theo quy định tại khoản 6 Điều này; Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên ngành thú y có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y, Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y, Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y; trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

6. Thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, nhập khẩu, buôn bán thuốc thú y được quy định như sau:

a) Cơ quan chuyên ngành thú y trung ương cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y; Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y;

b) Cơ quan chuyên ngành thú y địa phương cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y.

Điều 98. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, nhập khẩu, buôn bán thuốc thú y

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, nhập khẩu, buôn bán thuốc thú y có giá trị trong thời hạn 05 (năm) năm.

2. Trước 03 (ba) tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, nhập khẩu, buôn bán thuốc thú y hết hạn, trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sản xuất, nhập khẩu, buôn bán thuốc thú y phải nộp đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận. Trình tự, thủ tục cấp lại được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 97 của Luật này.

Điều 99. Nhập khẩu, xuất khẩu thuốc thú y

1. Thuốc thú y có giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam thì được phép nhập khẩu, xuất khẩu không hạn chế về số lượng, trừ trường hợp nhập khẩu các loại vắc xin, vi sinh vật dùng trong thú y và thuốc thú y thuộc Danh mục thuốc thú y phải kiểm soát đặc biệt.

2. Thuốc thú y chưa có giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam được nhập khẩu trong các trường hợp sau:

- a) Phòng, chống dịch bệnh động vật khẩn cấp, khắc phục hậu quả thiên tai;
- b) Mẫu kiểm nghiệm, khảo nghiệm, đăng ký lưu hành, tham gia trưng bày triển lãm, hội chợ, nghiên cứu khoa học;
- c) Chữa bệnh đối với động vật tạm nhập tái xuất, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam;
- d) Tạm nhập tái xuất, gia công xuất khẩu theo hợp đồng đã ký với nước ngoài;
- đ) Nguyên liệu để sản xuất thuốc thú y đã có giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam;
- e) Nguyên liệu dùng trong chẩn đoán, xét nghiệm, kiểm nghiệm về thú y;
- g) Viện trợ của các tổ chức quốc tế và các hình thức nhập khẩu phi mậu dịch khác.

3. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu thuốc thú y quy định tại khoản 2 Điều này nộp hồ sơ đăng ký nhập khẩu thuốc thú y cho cơ quan chuyên ngành thú y trung ương. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên ngành thú y ở trung ương xem xét cấp phép nhập khẩu thuốc thú y; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Thuốc thú y nhập khẩu quy định tại khoản 1 và điểm a và điểm đ khoản 2 Điều này phải được kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu và chỉ được nhập khẩu khi đạt chất lượng.

5. Cơ quan chuyên ngành thú y tại cửa khẩu thực hiện thủ tục kiểm tra chất lượng thuốc thú y nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức, cá nhân sản xuất, buôn bán thuốc thú y được phép xuất khẩu thuốc thú y thành phẩm theo qui định của pháp luật về thương mại của Việt Nam và nước nhập khẩu.

Điều 100. Kiểm nghiệm thuốc thú y

1. Tổ chức kiểm nghiệm thuốc thú y phải được cơ quan có thẩm quyền chỉ định bao gồm:

- a) Kiểm nghiệm của Nhà nước;
- b) Kiểm nghiệm của tư nhân.

2. Trách nhiệm của cơ sở kiểm nghiệm thuốc thú y:

a) Kiểm nghiệm nguyên liệu dùng làm thuốc thú y, thuốc thú y bán thành phẩm, thuốc thú y thành phẩm phải được tiến hành theo tiêu chuẩn kỹ thuật được quy định hoặc phương pháp của nhà sản xuất, nhập khẩu đã đăng ký;

b) Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm đối với mẫu thuốc thú y đã kiểm nghiệm;

c) Bồi thường theo quy định của pháp luật cho tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do kết quả kiểm nghiệm sai.

Điều 101. Kiểm định thuốc thú y

1. Thuốc thú y phải được kiểm định trong các trường hợp sau:

- a) Có khiếu nại, tố cáo về chất lượng thuốc thú y;
- b) Có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Cơ quan có thẩm quyền quyết định, chỉ định tổ chức kiểm nghiệm thuốc thú y thực hiện việc kiểm định thuốc thú y theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 102. Quảng cáo thuốc thú y

1. Chỉ được quảng cáo các loại thuốc thú y có giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam và thực hiện theo quy định của pháp luật về quảng cáo.

2. Trước khi đăng ký quảng cáo, tổ chức, cá nhân có thuốc thú y cần quảng cáo phải gửi hồ sơ tới cơ quan chuyên ngành thú y trung ương để xác nhận nội dung quảng cáo.

3. Tổ chức, cá nhân có thuốc thú y quảng cáo chỉ được tiến hành quảng cáo khi đã được thẩm định nội dung và chỉ được quảng cáo đúng nội dung đã được xác nhận.

4. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định cụ thể trình tự, thủ tục, xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y.

Điều 103. Nhãn thuốc thú y

1. Thuốc thú y lưu hành trên thị trường phải có nhãn đáp ứng yêu cầu sau:

- a) Ngôn ngữ bằng tiếng Việt;
- b) Chứa thông tin đầy đủ hướng dẫn sử dụng thuốc thú y;
- c) Tuân thủ quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa;
- d) Phù hợp với nội dung mẫu nhãn đã đăng ký với cơ quan quản lý chuyên ngành thú y trung ương.

Điều 104. Sử dụng thuốc thú y

1. Thuốc thú y phải được sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất, đơn do người hành nghề thú y, hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y có thẩm quyền.

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng thuốc thú y có quyền lợi sau đây:

- a) Được cung cấp thông tin và hướng dẫn sử dụng thuốc thú y;
- b) Yêu cầu cơ sở bán thuốc thú y hướng dẫn sử dụng thuốc thú y theo quy định tại khoản 1 Điều này.
- c) Được bồi thường thiệt hại do lỗi của cơ sở buôn bán thuốc thú y theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân sử dụng thuốc thú y có nghĩa vụ sau đây:

- a) Sử dụng thuốc thú y theo quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Khi phát hiện thuốc thú y gây hại cho người, động vật, môi trường thì ngừng sử dụng thuốc và báo cáo ngay Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan chuyên ngành thú y địa phương.

Mục 4

THU HỒI, TIÊU HỦY, TÁI XUẤT THUỐC THÚ Y

Điều 105. Thu hồi thuốc thú y trên thị trường, xử lý thuốc thú y bị thu hồi

1. Thuốc thú y phải thu hồi trong các trường hợp sau đây:
 - a) Không đảm bảo chất lượng;
 - b) Hết hạn sử dụng;
 - c) Nhãn thuốc thú y không đúng theo quy định tại Điều 103 của Luật này;
 - d) Không có giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam.
2. Khi phát hiện thuốc thú y phải thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ sở sản xuất, nhập khẩu phải có trách nhiệm thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về lô thuốc thú y phải thu hồi và có trách nhiệm thu hồi ngay toàn bộ thuốc thú y đó; trường hợp cơ sở sản xuất, nhập khẩu không tự nguyện thu hồi thì cơ quan có thẩm quyền ra quyết định bắt buộc thu hồi.
3. Các biện pháp xử lý thuốc thú y bị thu hồi bao gồm:
 - a) Tái xuất;
 - b) Tái chế;
 - c) Tiêu hủy;
 - d) Khắc phục lỗi ghi nhãn thuốc thú y.
4. Thẩm quyền xử lý thuốc thú y bị thu hồi được quy định như sau:
 - a) Cơ quan chuyên ngành thú y trung ương quyết định các biện pháp và thời hạn xử lý thuốc thú y bị thu hồi xảy ra trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
 - b) Cơ quan chuyên ngành thú y địa phương quyết định các biện pháp và thời hạn xử lý thuốc thú y bị thu hồi xảy ra trên địa bàn.
5. Cơ sở sản xuất, nhập khẩu có thuốc thú y bị thu hồi phải chịu mọi chi phí thu hồi và xử lý.

Điều 106. Tiêu hủy thuốc thú y

1. Thuốc thú y bị tiêu hủy trong các trường hợp sau đây:
 - a) Không có giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam; trừ trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 99 của Luật này;
 - b) Không đảm bảo chất lượng, hết hạn sử dụng và không thể tái chế; chứa hoạt chất cấm sử dụng;

c) Thuốc thú y giả, thuốc thú y vô chủ, thuốc thú y không rõ nguồn gốc xuất xứ.

2. Tổ chức, cá nhân phải tiêu hủy thuốc thú y theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và chịu mọi chi phí.

3. Trường hợp thuốc thú y vô chủ thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo việc tiêu hủy và bố trí kinh phí.

CHƯƠNG VI

HÀNH NGHỀ THÚ Y

Điều 107. Các loại hình hành nghề thú y

1. Tiêm phòng, kê đơn, chữa bệnh, phẫu thuật, chăm sóc động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y.

2. Khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật.

3. Buôn bán thuốc thú y.

4. Sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y.

Điều 108. Điều kiện hành nghề thú y

1. Đối với cá nhân hành nghề thú y:

a) Có văn bằng, chứng chỉ hành nghề thú y do cơ quan chuyên ngành thú y có thẩm quyền cấp, phù hợp với từng hoạt động hành nghề thú y.

b) Có đạo đức nghề nghiệp;

c) Có đủ sức khỏe hành nghề.

2. Đối với tổ chức hành nghề thú y:

a) Có cán bộ kỹ thuật theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Có cơ sở vật chất, kỹ thuật phù hợp với từng hoạt động hành nghề thú y theo quy định của pháp luật.

3. Chính phủ quy định cụ thể về điều kiện chuyên môn đối với từng loại hình hành nghề thú y.

Điều 109. Cấp mới, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y

1. Thẩm quyền cấp Chứng chỉ hành nghề thú y như sau:

a) Cơ quan chuyên ngành thú y địa phương cấp Chứng chỉ hành nghề thú y quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 107 của Luật này.

b) Cơ quan chuyên ngành thú y trung ương cấp Chứng chỉ hành nghề thú y quy định tại khoản 4 Điều 107 của Luật này.

2. Hồ sơ đăng ký cấp Chứng chỉ hành nghề thú y bao gồm:

a) Đơn đăng ký;

b) Bản sao văn bằng, chứng chỉ chuyên môn;

c) Giấy chứng nhận sức khỏe.

3. Trình tự, thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề thú y:

a) Cá nhân có nhu cầu được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y nộp hồ sơ cho cơ quan chuyên ngành thú y theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề thú y; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Hồ sơ, trình tự, thủ tục gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y:

a) Cá nhân có nhu cầu gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y trước khi hết hạn 01 (một) tháng phải gửi hồ sơ cho cơ quan chuyên ngành thú y theo quy định tại khoản 1 Điều này. Hồ sơ gồm: Đơn đăng ký gia hạn; Chứng chỉ hành nghề thú y đã cấp;

b) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề thú y; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Chứng chỉ hành nghề thú y có giá trị 05 năm.

Điều 110. Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y

1. Chứng chỉ hành nghề thú y được cấp lại trong các trường hợp sau đây:

a) Bị mất, sai sót, hư hỏng;

b) Có sự thay đổi về phạm vi, quy mô hành nghề hoặc thông tin liên quan đến tổ chức đăng ký.

2. Hồ sơ cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y;

b) Chứng chỉ hành nghề thú y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất.

3. Trình tự, thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y gửi hồ sơ tới cơ quan quản lý chuyên ngành thú y theo quy định tại khoản 1 Điều 109 của Luật này;

b) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề thú y; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 111. Không cấp Chứng chỉ hành nghề thú y

Tổ chức, cá nhân không được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y trong các trường hợp sau:

1. Không đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 108 của Luật này;

2. Có hành vi vi phạm quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 112. Thu hồi Chứng chỉ hành nghề thú y

1. Chứng chỉ hành nghề thú y bị thu hồi trong các trường hợp sau:
 - a) Bị tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
 - b) Phát hiện giấy tờ giả, thông tin không trung thực trong hồ sơ đăng ký cấp Chứng chỉ hành nghề thú y;
 - c) Có hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.
2. Cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 109 của Luật này thu hồi Chứng chỉ hành nghề thú y.

Điều 113. Quyền lợi và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hành nghề thú y

1. Tổ chức, cá nhân hành nghề thú y có các quyền lợi sau đây:
 - a) Được hành nghề theo nội dung ghi trong Chứng chỉ hành nghề thú y;
 - b) Được đào tạo, tập huấn nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ thú y;
 - c) Được Nhà nước hỗ trợ, khuyến khích khi tham gia hoạt động phòng chống dịch bệnh động vật tại địa phương.
2. Tổ chức, cá nhân hành nghề thú y có nghĩa vụ sau đây:
 - a) Tuân thủ các quy định của pháp luật thú y và pháp luật khác có liên quan trong quá trình hành nghề; bồi thường thiệt hại do lỗi gây ra trong hoạt động hành nghề thú y;
 - b) Cung cấp thông tin liên quan cho cơ quan quản lý chuyên ngành thú y có thẩm quyền; tuân thủ và tham gia các hoạt động về thú y khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 114. Hội đồng Pháp định thú y

1. Hội đồng Pháp định thú y được thành lập ở trung ương và cấp tỉnh, có chức năng tư vấn về đào tạo, hành nghề thú y tại Việt Nam.
2. Nhiệm vụ của Hội đồng Pháp định thú y:
 - a) Tư vấn cho Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành các tiêu chuẩn về chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp đối với người hành nghề thú y;
 - b) Tư vấn nội dung đào tạo, tập huấn về thú y;
 - c) Tổ chức kiểm tra, sát hạch trình độ của cá nhân để cấp Chứng chỉ hành nghề thú y;
 - d) Kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền tạm đình chỉ hoạt động hành nghề thú y hoặc thu hồi Chứng chỉ hành nghề thú y đối với cá nhân có vi phạm.
3. Hội đồng Pháp định thú y có nhiệm kỳ 05 năm và làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.
4. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết Điều này.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 115. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2015.
2. Pháp lệnh Thú y số 18/2004/PL-UBTVQH10 ngày 29 tháng 4 năm 2004 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.
3. Các loại giấy phép, giấy chứng nhận về thú y đã được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực mà chưa hết thời hạn được ghi trong giấy thì vẫn còn giá trị sử dụng cho đến khi hết thời hạn.

Điều 116. Hướng dẫn thi hành

Chính phủ, cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật.

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Sinh Hùng